

TƯ LIỆU

PHÁP-DU KÝ-SỰ của ông dân-biểu Trung-kỳ Trần-bá-Vinh đi dự cuộc Đấu-xảo Thuộc-địa tại Paris năm 1931

Nguyễn Bá Dũng* sưu tầm, làm text, khảo,
chú thích và giới thiệu⁽¹⁾

Ông Trần-bá-Vinh⁽²⁾, dân-biểu Trung-kỳ ở Nghệ-an, năm ngoài được viện Dân-biểu cử đi dự cuộc Đấu-xảo Thuộc-địa tại Paris; ra đi ông có cái mỹ-kiến [hiểu biết tốt đẹp] chép tập ký-sự về cuộc Pháp-du này để kỷ-niệm về sau. Vì ông cũng là khách mến văn-chương, là người có con mắt quan-sát, lại biết để ý đến thời-cuộc ngoài lũy tre xanh bao bọc non sông đất nước nhà, nên ông đã đạt được cái ý nguyện của ông: chép được tập “PHÁP-DU KÝ-SỰ”⁽³⁾. Ông dân-biểu Trần-bá-Vinh lại muốn bà con ta cũng được chia một vài phần trong những điều nghe thấy của ông trong cuộc Pháp-du này, nên ông đưa tập ký-sự để đăng vào báo T. N. T. V [*Thanh-Nghệ-Tĩnh Tân văn*]⁽⁴⁾. Bản-báo thấy hay nên vui lòng đăng lên

(*) Hà Nội.

(1) Lưu ý:

- Khi đánh máy lại, bản gốc được giữ nguyên về ngôn ngữ, kể cả các lỗi chính tả.
- Tất cả các chú thích đều là của người biên khảo, hoặc chú thích, hoặc để trong ngoặc [] nếu là thuật ngữ ngắn gọn hoặc sửa lỗi bản gốc.
- Các chú thích về ngôn ngữ, nếu không ghi cụ thể, đều sử dụng <https://hvdic.thivien.net/> và một số từ điển online khác.

(2) Trần Bá Vinh: Phó Viện Trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, từng là đại biểu của các đơn vị bầu cử Vinh, Anh Sơn và Thanh Chương trong các thập niên 1920, 1930. Ông từng là Tham tá (viên chức cao cấp) lục lộ của Sở Công Chánh và thuộc hạng nhà giàu ở thành phố Vinh vì có tới 40 căn nhà cho thuê. Trong các năm 1934-1939. Ông là chủ nhiệm báo *Sao Mai* xuất bản tại Vinh. Những bút chiến giữa báo *Sao Mai* và báo *Tuần lễ* cùng thành phố (do ông Nguyễn Đức Bính làm chủ nhiệm) đã để lại nhiều dấu vết trong ký ức đương thời. Cả *Sao Mai* và *Tuần lễ* đều bị báo cáo của mật thám Pháp coi là có xu hướng Cộng Sản (Báo cáo chính trị ngày 27 tháng 3/1935. Tài liệu mang ký hiệu A-29-VIII - dẫn theo Lưu Văn Rô qua Phạm Xuân Cần, *Báo chí ở Nghệ An thời thuộc Pháp*, vanhoanghean.com.vn). Ông Trần Bá Vinh đã từng tặng Nữ công học hội – hội phụ nữ đầu tiên của nước ta (qua bà Hội trưởng Đạm Phương và bà Trần thị Như Mân) – 1.000 đồng để hoạt động (giá một con trâu tại Nghệ An là 25 đồng, tháng Sáu 1933). (Tổng hợp từ nhiều nguồn).

(3) Trần Bá Vinh(1932). *Pháp du ký sự (Récit d'un voyage en France)*. Vinh. Impr. Châu Tinh, 34 trang, có minh họa.

(4) *Thanh-Nghệ-Tĩnh Tân văn* (tháng Bảy 1930 - tháng Bảy 1934): Tuần báo, xuất bản tại Vinh (Trung Kỳ, Đông Pháp – nay là thành phố thủ phủ tỉnh Nghệ An). “Tờ báo ra đời sớm nhất ở Vinh là tờ tuần báo *Thanh Nghệ Tĩnh Tân Văn (TN TT V)*, số đầu tiên ra ngày 24 tháng 7, năm 1930. Trên danh nghĩa đây là tờ báo do Hội Pháp - Việt văn học sáng lập, nhưng thực chất là một tờ báo “vừa công, vừa tư” như

tờ dân-báo của miền bắc xứ Trung-kỳ ta để độc giả cùng thưởng thức món quà ông gửi tặng.⁽⁵⁾

Ngày 7 Juin 1931, tôi nhận được tờ thông-diệp ở tòa Khâm-sứ cho giấy đi dự cuộc Đấu-xảo [Hội chợ] thuộc-địa tại Paris⁽⁶⁾ thay mặt viện Nhân dân đại-biểu Trung-kỳ.⁽⁷⁾

Mấy lâu nay, chỉ ngồi chờ một mảnh giấy này, mà nay được rồi. Thôi thời lật-đật sắp sửa hành-lý, tính liệu tiền-nong, dặn việc nhà, thăm bầu-bạn, để đến ngày 11 tháng sáu lên tàu.

Ngày 11 tháng sáu, 5 giờ sáng, tôi cùng người nhà lên ga, có mấy người bạn chí-thân cũng quá yêu mà đi tiễn-biệt.

- Huynh-ông đi nhé! Hôm nào về?

- Có lẽ cũng đến 5, 6 tháng nữa.

- Nhà-nước cho giấy tàu đi tới tận Paris chứ?

người chủ bút thừa nhận. Tờ báo này được chính quyền ủng hộ, ngay tên gọi cũng đã được sự đồng tình của ba vị quan đầu tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh. Số cuối (210) của *TNTTV* ra tháng 7/1934. Kế tiếp theo đó, báo *Thanh Nghệ Tĩnh* (*TNT*) ra đời. So với *TNTTV*, báo *TNT* chỉ có hai sự thay đổi: một là không thuộc Hội Pháp Việt văn học nữa, mà do nhà báo Lê Hữu Nhơn làm chủ bút và ông Phó Đức Thành làm quản lý; thứ hai, báo đổi tên thành "*Thanh Nghệ Tĩnh*". Ngoài ra, mọi vấn đề khác, từ nội dung, trị sự đến hình thức hầu như không thay đổi. Đến tháng 7/1936, báo *TNT* lại đổi thành báo *Ý Dân*, số 1 ra năm 1936, số cuối (số 38) ra tháng 10/1938. Như vậy, có thể nói qua ba lần thay tên, báo *TNTTV* đã tồn tại được 8 năm, từ 1930 đến 1938." (Phạm Xuân Cẩn, *bđđ*).

⁽⁵⁾ Lời dẫn của *Thanh-Nghệ-Tĩnh Tân văn*. Kỳ sự in dạng feuilleton (truyện nhiều kỳ) trên 9 số báo, trang 2.

⁽⁶⁾ Đấu-xảo thuộc-địa (Exposition coloniale internationale / Triễn lãm thuộc địa quốc tế) Pháp: Hội chợ-Triễn lãm được tổ chức tại Paris (từ ngày 6 tháng Năm – 15 tháng Mười Một 1931) để giới thiệu các sản phẩm và thành tựu của các thuộc địa và phụ thuộc của Pháp và các cường quốc thuộc địa chính, trong các gian hàng gọi lại kiến trúc của các vùng lãnh thổ này, như: Đông Dương, Syria và Lebanon, Bắc Phi, Châu Phi da đen và Madagascar. Khu Đông Dương rộng hơn 9 ha chia thành 5 tiểu khu gồm thuộc địa Nam Kỳ và 4 vùng bảo hộ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào và Campuchia). Bắc Kỳ có kiến trúc đình, chùa và hàng thủ công; Trung Kỳ trình bày hai gian được bao quanh bởi các khu vườn cung đình, những gian này trình bày các bộ sưu tập nghệ thuật và dữ liệu kinh tế; Nam Kỳ giới thiệu một lâu đài theo phong cách Tân An Nam, lấy cảm hứng từ Bảo tàng Blanchard de La Brosse ở Sài Gòn (nay là Bảo tàng Lịch sử TP. HCM), nó trình bày một diorama và sự giàu có của thuộc địa.

Cuộc Triển lãm Thuộc địa này đã trở thành một diễn đàn thảo luận về chủ nghĩa thực dân nói chung và các thuộc địa của Pháp nói riêng. Đã có hơn 100 hội thảo và đã xuất bản được hơn 3.000 báo cáo trong thời gian sáu tháng. Cuộc triển lãm là phương tiện để các nhà văn thuộc địa xuất bản tác phẩm của họ. Nó cũng tạo ra một thị trường ở Paris cho nhiều loại ẩm thực dân tộc, đặc biệt là Việt Nam và Bắc Phi. Hội chợ đã đón tám triệu khách, những người đến du lịch "vòng quanh thế giới trong một ngày" theo khẩu hiệu thời đó; đồng thời là dịp Đảng Cộng sản Pháp bày tỏ quan điểm chống thực dân của mình. (theo wiki)

⁽⁷⁾ Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu viện (Chambre des Représentants du Peuple de l'Annam) hay Viện Dân biểu Trung Kỳ (1926-1945): Cơ quan tư vấn cho chính quyền Pháp ở Trung Kỳ về các vấn đề kinh tế, tài chính, xã hội. Tiền thân của viện là Hội đồng Tư vấn Bản xứ Trung Kỳ (Chambre Consultative Indigène l'Annam).

- Không, tòa Khâm có gửi thư cho tôi nói chỉ có giấy [vé] tàu-thủy từ cửa Hàn [Tourane] đến Marseille, còn tự Vinh là chỗ tôi ở đến Hàn và từ Marseille đến Paris là chỗ cuộc Đấu-xảo phải đi hỏa-xa hơn 800 ki-lô mét, mình đều phải xuất tiền riêng. Khi về cũng thế.

- Trong thời gian huynh-ông ở bên Paris, mỗi ngày được lãnh tiền phụ-cấp bao nhiêu?

- Phụ-cấp gì đâu: Ăn tiêu chi-phí mình phải chịu lấy cả mà tôi cũng chẳng mong gì món tiền ấy trong lúc ngân-sách quẫn-bách này?

- Cuộc Đấu-xảo đã bắt đầu từ hôm nào nhỉ?

- Nghe đâu cuộc Đấu-xảo khai mạc đã mấy tháng rồi mà bây giờ tôi mới qua thì cũng đã chậm đó. Nhưng cái chậm ấy tôi cũng không biết thế nào. Việc đòi tùy mình một phần, nhưng cũng có tùy người, tùy hoàn-cảnh một phần nữa. Cái chậm này là vì khi ông Viện-trưởng tiếp được thư tòa Khâm tin cho biết Chính-phủ có cho Viện một xuất tàu hạng nhất để Viện cử một viên Đại-biểu sang Pháp dự cuộc Đấu-xảo thì ông Viện-trưởng gửi tờ đi các tỉnh cho các ông Đại-biểu xin cử người đi dự cuộc Đấu-xảo thay mặt cho toàn-viện; ông Viện-trưởng phải đợi thư trả lời của các viên Đại-biểu cử người đi.

- Kể ra đi xem Đấu-xảo thì có chậm, nhưng đi quan sát, đi du-lịch không bao giờ chậm. Hẳn một người có nhãn-lực [tầm mắt], có hoài-bảo như huynh-ông thì thế nào lúc về sẽ cũng có nhiều điều kiến-văn mới mẽ cung cấp cho anh em ở nhà. Thời chúng tôi xin cố công chờ...

- Chính cái lòng của tôi muốn như vậy, nhưng tài-lực mỏng manh, chả biết rồi có khỏi phụ tấm lòng quá yêu của anh em hay không?

Cùng nhau trò chuyện mấy khắc đồng-hồ nữa, còi tàu huýt. Hành-khách rộn rịp lên tàu.

Nói thêm vài câu nữa; dặn dò vài lời nữa! Tay cầm tay khôn cạn nỗi ly-hoài, thôi! chào!... Chén vui xin hẹn với ngày về...

Ngày 12, tôi ở tại Huế một ngày, ngày 13 vào Tourane [Đà Nẵng]. Sáng 14, từ cửa Hàn lên tàu Compiègne.⁽⁸⁾ Ngày 16 vào tới Sai-gon ở lại tới 19-6 thời đi Singapur.

Chuyến tàu tôi đi lần này, hai phần ba hành-khách là các quan-viên Pháp làm việc ở Đông-dương về nghỉ. Kể ra mình đi cũng gặp may là có một lũ đồng-hành thượng-lưu như thế này. Nói thiệt thì ngân-sách Đông-dương cũng có “đau”

⁽⁸⁾ SS Compiègne (1922-1954) là một tàu khách hai cánh quạt (hélices), một ống khói, có sức chứa 112 hành khách khoang hạng nhất, 84 hành khách hạng hai và 136 hành khách hạng ba. Tàu chạy tuyến Pháp-Đông Dương các giai đoạn 1924-1939 và 1948-1954.

nhưng... làm thế nào? Người Pháp ở bên này khí-hậu thủy thổ nào có phải tổ-quốc của họ, mà chả lẽ không cho người ta về thăm quê cha đất tổ hay sao? Dầu phong lưu đến đâu, giàu có đến đâu, mà xa nhà-cửa, xa bà con anh em, xa tổ-quốc, thời cái vui cái thú ấy còn có ý-vị [thú vị] gì?

Tàu ra chính giữa Đại-dương. Khói mây man mác, bờ cò-quốc [nước cũ] mịt mù... Trông xa xa dặm đường dằng dặc, mây tuôn mặt biển, sóng gợn chân trời, cái cảm-tưởng du-khách ở quãng không-gian bát ngát này thiệt khó lấy bút mực tả ra cho rõ. Ừ! Thời cuộc du-lâm này cũng là một điều mình ao-ước, mong mỗi mấy lâu nay, mà bây giờ đã được như ý, thế cũng là một điều đáng mừng. Song nghĩ đi nghĩ lại: rồi đây mình sẽ thấy những cảnh-tượng ra sao. Mấy lâu nay những trông cho được bước chân tới đất một nước văn-minh mà xem xét, bây giờ đã gần được mãn nguyện. Song mình có đủ nhãn-lực mà quan sát hay không? Những điều mình sẽ tai nghe mắt thấy, sẽ được xác thực hay không? Sẽ có thể đem ra mà bày tỏ với anh em đồng-bang [cùng nước] cho rạch ròi hay không? Những lời mình sẽ nói ra biết rồi có bổ-ích cho đồng-bang trong muôn một⁽⁹⁾ hay không? Đó là những câu hỏi tôi tự hỏi tôi. Tôi hỏi tôi mà lại không dám tự quyết, chứa chan điều lo điều nghĩ canh cánh bên lòng; nhưng có một điều chắc chắn là ngày tháng giờ dành, hẳn cũng có lúc con thuyền hi-vọng này sẽ đưa mình qua bờ bến mới.

Ôm một mối tâm-sự nặng nề như vậy, cùng mấy người bạn đồng-hành chuyện trò, cười nói ăn ngủ đợi chờ trong mấy ngày giờ[i] thời một buổi chiều kia là ngày 21-6-[19]31 đúng 7 giờ đã thấy xa xa có một tòa thành-phố xan xát những gạch đỏ tường vôi... Ấy là thành-phố Singapur!

Thuyền đã đậu vào bến. Cái vui từ lúc mình từ-giã cảnh gia-hương [quê nhà] bước chân lên chiếc tàu Compiègne thời tựa hồ như cái thú của một con chim sổ lồng mà xa bay. Song mình không phải là một người thủy-thủ, mình không phải là một người đã quen với cách sinh-nhai ở trên mặt biển, nên chỉ hai ngày đêm rồng rã ngồi “bó chân” ở dưới tàu, trên gò dưới nước, cũng đã hơi có ý nhớ đại-lục [đất liền], cũng trông cho chiếc tàu ghé vào bến để mình lên bộ mà đi chơi một vài giờ, cho ruỗi cái gân chân một tí xem ra sao...

Tàu ghé bến tức thì cùng mấy người đổ bộ đi chơi. Trước lúc bước chân lên đã biết rằng tàu sẽ đậu lại đây gần một ngày một đêm nên chỉ cũng mừng thầm rằng mình sẽ có dư thì giờ mà quan sát.

Đứng ở tàu trông lên thì cái thương-phụ⁽¹⁰⁾ này phong-cảnh đẹp thiệt. Trên kia thì lâu đài thành-phố, ở trước thời giữa mặt biển mênh mông có mấy hòn cù-lao

⁽⁹⁾ Muôn một: một trong muôn nghìn khả năng, nhưng cũng có thể xảy ra.

⁽¹⁰⁾ Thương-phụ: Thành thị lớn buôn bán và giao thông tiện lợi.

[đảo] chót vót, trơ mặt với cảnh tang-thương⁽¹¹⁾. Thiệt công người cũng đã khéo tô điểm cảnh-vật hóa-công [tự nhiên]. Mà mình đứng vào đây cũng không biết là nên tung bốc những lâu-đài nhân-tạo hay là nên tán-thưởng cảnh-trí thiên-nhiên vậy.

Lâu nay mình vẫn nghĩ rằng Singapour là một cái thương-phụ to thời ở đây cái biểu-diện [mặt ngoài] văn-minh và cái cảnh sinh-hoạt chắc là mỹ-mãn hơn ở nước nhà.

Thế mà bây giờ bước chân đến đây thì cũng chẳng thấy gì đặc-sắc. Trừ mấy ông ngoại-quốc ra thời người bản-xứ, mấy ông da nâu kia ăn làm ngó bộ cũng chẳng hơn gì anh em da vàng bên mình. Nhưng có một điều nên chú ý là chỗ này cách buôn bán ngó bộ phát đạt hơn các thành-phố xứ mình nhiều. Nhưng xem cho kỹ thời mấy tòa phố kia cùng cách buôn-bán quy-mô có vẻ to tát hơn các tiệm bên nước mình. Hải-cảng Singapour là một chỗ buôn-bán cho nên cư-dân ở đây bôn tẩu lặn lội ở chỗ thương-trường ngó bộ đã tiêm nhiễm được cái nét mặt linh-lợi và có vẻ lầu cá nữa.

Singapour là một hải-cảng thuộc quyền bảo-hộ nước Anh. Về phương-diện thương-trường thời người ta gọi là thương-phụ tự-do, nghĩa là một thương-phụ không có thuế nhập-cảng. Người Anh muốn khuếch-trương cái hải-cảng này ra làm một chỗ thương-trường to ở bên Viễn-đông, nên chi miễn thuế cho các hàng nhập-cảng.

Ở đây rất nhiều auto và hàng-hóa bán rẻ hết sức. Mỗi cái ô tô ở bên mình giá 2500\$ thời ở đây giá độ 1500\$ mà thôi.

Dân-cư ở đây phần nhiều là các ông tây da nâu. Nhưng cũng có nhiều người khách-trú [người Hoa] và một số ít người Âu-Mỹ.

Chiều hôm 22-6-[19]31, tàu nhỏ neo chạy năm ngày nữa đậu ở Madras [nay là Chennai]. Mấy chiếc tàu ở Đông-dương qua Pháp thường cũng hay đậu lại ở hai hải-cảng Madras và Pondichéry nữa.

Về mặt kinh-tế, về đường sinh-hoạt thời quang-cảnh ở Madras còn kém Singapour xa lắm. Tuy người Anh kinh-lý⁽¹²⁾ chỗ này đã gần 300 năm nay nhưng hiện nay cũng chỉ có một giải ngoài biển là đẹp đẽ, có lâu-đài đường-sá cao-ráo sạch-sẽ ra kiểu tân-thời mà thôi. Còn mé sau thì cái cảnh cực-khổ của người bản-xứ vẫn rõ rệt hết sức. Nhà cửa đường đi vừa chật hẹp, vừa bẩn-thiu. Tôi đi vào một gian nhà một người Ấn-độ ở một con đường cách hải-cảng chừng 300 thước tây thời xem chừng cái cảnh sinh-hoạt của họ có vẻ cực-khổ đơn-sơ. Trong một gian

⁽¹¹⁾ Tang-thương: Nói tắt của *Tang điền thương hải* 桑田蒼海 (ruộng dâu biển thành biển xanh), chỉ sự thay đổi ở đời. (*Từ điển Nguyễn Quốc Hùng*)

⁽¹²⁾ Kinh-lý: chia vạch địa giới, ý nói chiếm làm thuộc địa.

nhà nho nhỏ, ngồn ngang những đồ làm thủ công. Bên vách treo đầy những tượng-thần của thổ-dân và đồ đồng-bóng.⁽¹³⁾

Ở Madras, còn nhiều ăn mày lắm. Tôi thấy có một cái chỗ bán đồ ăn ở nhà quê, nhưng sắp đặt quá là bề bộn, mà lại dơ bẩn hôi hám, thật là khó cho lỗ mũi các nhà du-lịch. Thổ-dân thời xỏ mũi xâu tai, trông vào phát sợ ra được; họ lại ăn mặc lười xười [lộn xộn], đen đen đỏ đỏ khăn thời quần vành này lớp khác ngó bộ phiền quá. Thiệt mấy ông người Anh này cũng chịu khó. Trong một cái công-viên kia, đường lối rảnh rỗi cũng bòn-bông [bồn hoa?], cũng ghé cầm-thạch tiêm tất [tươi tất], thế mà suốt ngày có mấy chục ông tây đen mình trần đến đây vén đùi giơ chân nằm ngang nằm ngửa trên ghế cầm-thạch, dưới cổ xanh rì, như là trong buồng ngủ của họ vậy. Cũng có lẽ vì thấy thế mà gai [gai mắt] cho nên người Âu không mấy ai đến đây chẳng.

Nếu như con quạ mà có thể cho là một thứ thổ-sản thời tôi có thể nói rằng Madras thổ-sản quạ! Ủ! Quạ đâu mà nó đem nhau đến đây họp lại đông như một thành-phố “quạ” chứ không phải là họp làng nữa. Những cây to chỗ nào cũng thấy đầy những giống chim kêu quặc quặc kia cả. Trông xa có lúc thấy nó đậu trên những cây đa ở trong thành-phố hình như tòa lá um tùm vậy.

Tôi có ý hỏi người ta thời họ nói thứ quạ là một thứ chim được thổ-dân sùng-bái cho nên không bao giờ ai giết, cho nên nó mới sinh sản ra một cách kinh-nhon⁽¹⁴⁾ đến thế, cũng có kẻ nói rằng xung quanh thành-phố Madras để bắn quạ mà họ phải dung túng cho dân quạ nó triệt những uế-vật [đồ dơ bẩn] đi cho. Ấy cũng là một hạng cu-ly vệ-sinh không phải thuê tiền. Có lẽ cũng phải.

Tàu đi dọc theo bờ biển Ấn-độ 8 giờ nữa lại đậu ở Pondichéry.

Lịch-sử Pondichéry là lịch-sử một miếng đất bị người ta xâu xé nhiều lần, là lịch-sử một cái thương-phụ vất vả khôn đồn. Pondichéry xưa kia là đất của một ông vua Ấn-độ ở địa-phương ấy. Năm 1693 người Hòa-lan chiếm lãnh lấy; sáu năm về sau tờ hòa-ước Ryswick đem giả lại cho nước Pháp. Từ năm 1699 cho đến 1816, thời Pháp cùng Anh giành xé nhau khi về nước này khi về nước khác. Hiện bây giờ Pondichéry là thủ phủ của 5 thành-phố mà Pháp còn chiếm lãnh được ở đất Ấn-độ. Pondichéry cũng là một thương-phụ tự-do. Chỉ có một thứ thuế thương-chánh mà thôi: tức là thuế rượu. Hải-cảng Pondichéry bé lắm, không có bến đá nào cả. Các thuyền to không có thể ghé vào được. Lúc chiều tàu tới bến, năm bảy thuyền nhỏ, mỗi thuyền có năm bảy ông tây-đen chèo ra đón khách du-lịch muốn vào đi xem

⁽¹³⁾ Đồng-bóng: Người mà thần linh hoặc hồn người chết nhập vào trong một lễ cầu xin, theo tín ngưỡng dân gian.

⁽¹⁴⁾ Kinh-nhon (kinh nhân): Khiến người ta chấn động, kinh hãi. Như: *Ngữ bất kinh nhân tử bất hưu* 语不惊人死不休 [Lời nói/viết ra mà không khiến người ta chấn động thì chết chưa thôi], Đỗ Phủ.

hải-cảng. Thổ-dân phần nhiều ở trần, trên đầu một cục khăn, dưới lưng một manh khô. Ấy thế nhưng mình chớ thấy cái ngoại-mạo mà xem thường, xem khinh. Mấy ông da chì khăn khổ bù nhùi đó đều đã nhập-tịch dân Pháp rồi cả đấy. Chả thế mà cái cậu bé 12, 15 tuổi ở đây ăn nói với người Pháp rất là tự-do: Cười cười nói nói, tau tau, mi mi, nếu không có nước da thì ai lại bảo rằng những người này không phải là tây. Tôi còn nhớ lúc tàu đậu, một ông tây gọi mấy người đồng-hành và chỉ vào mấy chú da màu sô-cô-la đóng khổ kia mà bảo rằng: “Voilà nos concitoyens! Voilà nos frères! Kia công-dân nước ta đây! Kia đồng-bào chúng ta đây”.

Cái thiện-nghệ của dân Pondichéry là nghề lội. Người ta hay nói: “Có phúc hay lợi, có tội hay trèo” cái nghề lặn lội này hẳn cũng là cái quả-phúc giời dành cho “công dân” xứ Pondichéry chăng.

Khi thuyền đậu rồi, mình ở trên tàu gọi chú tây-đen nhỏ bảo: này! Rồi ném một đồng-hào xuống biển. Là lập tức cậu bé đánh “bắm” một cái rồi lặn xuống. Trong khoảng một, hai phút là đã ló lên, nhăn răng trắng ra và giơ đồng hào cho mình xem. Vừa cười vừa giang tay lên ngó bộ đắc-ý hết sức.

Sản-vật buôn-bán ở đây rất nhiều là bông cùng đậu lạc. Có ba cái nhà máy dệt vải rất to. Vải xanh dệt ở Pondichéry bán khắp ở các xứ thuộc-địa Pháp và nhất là ở Tây-phi-châu.

Từ Pondichéry chạy 45 giờ đồng-hồ thì đến Colombo. Colombo là một thành phố lớn ở đảo Ceylan “Tích-lan” [Sri Lanka]. Ở đây xem chừng trình-độ có cao hơn ở Singapour và trong mấy hải-cảng tôi đi qua ở Ấn-độ thời có lẽ thành-phố này là to hơn hết. Quang-cảnh náo-nhiệt hết sức mà dân-cư có vẻ sạch-sẽ. Xem công-cuộc và quy-mô kiến-thiết ở đây thì hình như Chính-phủ Anh rất lưu tâm về sự khuếch-trương thành-phố này. Có tàu điện về tận các miền nhà quê ở phụ-cận; có nhiều trường học. Cái hiệu-quả chính-sách thực dân Anh ở đây thật đã bước đến một bước cao rồi vậy.

Cách thành-phố Ceylan [tức Colombo] hơn 100 cây số, có một chỗ cổ-đô rất đẹp là thành Kandy. Con đường đi từ Ceylan cho đến Kandy còn có công-viên Perademya cũng là một chỗ danh-thắng trong miền ấy. Lúc tôi đi tới Kandy, buổi sáng ở lại ăn cơm trưa, xế chiều tôi về tàu. Hôm ấy tôi đã được mục-kích một bức cảnh đủ rõ cái tinh-thần tin-giáo [mộ đạo] và tính-cách siêu-việt của tín-đồ ông Thích-ca là thế nào. Lúc bấy giờ hoàng-hôn đã dần dần phủ khắp cả vùng cổ-đô. Tôi đi đường xa trông thấy ở đường kia có mấy ông đầu trọc, áo vàng còn ngồi ở dưới mấy gốc cây. Mà lạ là họ ngồi một cách điềm-nhiên hàng mấy giờ, mình có ý nhìn họ trong một quãng đường ba bốn mươi thước mà vẫn thấy họ ngồi im phăng phắc như mấy gốc củi cháy tro trụi ở trên đường đại-lộ. Đi tới nơi nhìn kỹ một hồi

lâu mà mấy ông sư cứ vẫn ngồi trầm mặc. Các ông này ngủ ngồi chẳng? Không con mắt các ông còn liu liu, ý hẳn còn đương mê mẩn nơi cái cảnh-tượng siêu-việt cực lạc mà tâm-thần các ngài đã ngấm được thì phải. Mà cái thái-độ tiêu-cực của mấy nhà sư ở chỗ nào chớ ở bên bức gương phản-ảnh của cảnh hoạt-động người Anh thời lại rõ rệt quá chừng.

Chính-sách thực-dân Anh ở đây là chú-trọng về mặt kinh-tế thống trị. Ceylan là một chỗ thị-trường của Anh để bán hàng-hóa chế tạo ra. Lựa, vải đủ các màu, đủ các thức bông. Thuốc lá cũng là một vật tiêu-thụ mạnh lắm. Ở đây người Anh đánh thuế cao để bảo-vệ cho vật-hạng của nước họ chớ đến. Về phần chính-trị ở trên đầu có một ông thủ-hiến người Anh. Còn ở dưới thì người bản-xứ quý-hồ có học-thức thì cũng rộng chân mà bay nhảy. Người Anh ở đây họ ở xúm vào một góc, nhà cao, nhà rộng, đường sá to tát, tối lại đèn sáng quắc. Cái cảnh sinh-hoạt vui vẻ thú-vị hơn dân bản-xứ là một điều cố-nhiên rồi. Có một điều lạ là trong thành-phố có nhiều xe tay mà không hề thấy người Âu-Mỹ nào ngồi xe là vì sao? Theo ý tôi thì có lẽ là vì xe cộ bên này bản thủ, và lại mấy bác “ngựa người” hay “người ngựa”.

Ma-la-bà⁽¹⁵⁾ kia ăn mặc lôi thôi quá [mất chữ] nước da đã sạm, cái đầu óc lại ngó bộ lười ãnh [mất chữ] gia dĩ lại quàng một cái váy trắng ở dưới mình nữa, thiệt không nhả tí nào; ý giả vì thế mà người Âu họ chỉ dùng xe auto, và xe ngựa chẳng? hay là họ không muốn cho người Âu-mỹ làm trái ngược với cái văn-minh Âu-Mỹ của mình là người bắt người làm ngựa. Từ Đông-dương qua Pháp có một đoạn hành-trình rất dài là từ Colombo đến Djibouti đi hết 8 ngày.

Djibouti tức là thủ-phủ của xứ thuộc-địa Pháp ở Somalis,⁽¹⁶⁾ xứ này nóng nực lắm. Djibouti là một thành-phố không có cây cối gì, chỉ tinh cát là cát. Khí hậu nóng nực quá nên không những cây cối khó sống, mà người ngó bộ cũng gầy mòn như là vì nắng quá mà héo đi vậy. Những nhà cửa các dân-cư nghèo phần nhiều vì không có tài liệu [vật liệu] làm, nên toàn dùng những ván thùng cũ làm mái và tường bằng ván cũ đóng đinh che bằng bao bố cũ. Cách sinh-hoạt còn thô-sơ lắm. Trình-độ văn-minh cũng vậy. Tôi có tới xem một cái trường độ chừng 30 học-trò, xem chừng còn kém lắm. Djibouti là một chỗ thổ-sản muối. Gần bờ biển thấy những cồn muối để ngổ ngang vì rằng ở đây không sợ gì giời mưa.

Từ Djibouti trở đi, thuyền đi men theo bờ biển Hồng-Hải (bể đỏ). Sao lại gọi là Hồng-Hải? Nước Hồng-Hải vẫn xanh, Nhưng vì ở dưới đáy biển có nhiều cây hoa đá đỏ,⁽¹⁷⁾ nên mới đặt tên như vậy.

⁽¹⁵⁾ Ma-la-bà: Có thể tác giả phiên âm từ Malabar – một sắc dân sống ở phía bắc đảo.

⁽¹⁶⁾ Nay là Cộng hòa Djibouti.

⁽¹⁷⁾ Cách lý giải của tác giả, không trùng với các giả thiết chính hiện nay về nguồn gốc cái tên Biển Đỏ/Hồng Hải: “Tên gọi của biển này không phải để thể hiện màu nước của nó. Nó có thể là sự thể hiện cho sự

Trong lúc thuyền đi ở biển Hồng-Hải, hành-khách có gặp hai sự khó chịu. Số là ở Hồng-Hải có những luồng cát ở Sahara bay đến làm cho gò đất mịt mù. Hạt cát nhỏ như bột: những luồng cát bay qua bề in như là một trận mưa bụi phủ hết gò đất bờ bến, tàu chạy cứ năm phút đồng-hồ lại phải thổi còi cho khỏi va vào tàu khác. Cũng có khi mình ở trong tàu bỗng dung một luồng gió nóng thổi đến thiệt là khó chịu độ trong năm phút đồng-hồ, mình nghe như là nằm trong cái hầm lửa, nếu lâu hơn nữa e có thể chết ngột chứ chẳng không. Ở Hồng-Hải qua Địa Trung-Hải tàu đi qua một con sông-đào gọi là Tô-duy-sĩ Vãn-Hà⁽¹⁸⁾ (canal de Suez) tưởng không nói thì ai cũng biết rằng con sông Vãn-Hà này là do một người Pháp khi công [khởi công] đào từ năm 1859 cho đến 1869 mới hoàn-thành. Hiện nay trên bờ tay trái con sông có một cái cột nghi ngút⁽¹⁹⁾ là pho tượng [Ferdinand] De Lesseps (người Pháp) hình như còn nguy nga đứng ngấm cái thành tích và công-việc 10 năm gò của y vậy... Tô-duy-sĩ Vãn-Hà dài 160 km, rộng phồng 80, 100 thước tây, sâu chừng 15, 20 thước.⁽²⁰⁾ Hai bên bờ lát đá cho sóng khỏi rập vào làm cho trượt cát xuống. Người ta còn trù tính đào rộng thêm để cho hai chiếc tàu to có thể một chiếc qua, một chiếc lại có đường mà tránh nhau ở trên sông được vì hiện nay phải chờ cho chiếc này qua rồi chiếc kia mới vào được, đường đôi bên bờ sông đẹp đẽ lắm, đèn điện sáng như sao, bờ sông lát đá, ở mạn bờ đất Phi-Châu có một con đường sắt đi song hành kèm với một con đường quan [đường ô tô] rắc nhựa. Cứ độ 4, 5 cây số lại có một nhà ga. Chúng tôi như tàu thủy đi chậm nên lúc đi đến Suez thì lên bộ đi tàu hỏa ra Le Caire [tức Cairo, thủ đô Ai Cập].

Trên con đường sắt ở Suez đến Port Saïd người du-lịch có thể nhìn thấy hai bên những đồng cát mênh mông: một bên là Tản-cap-lạc[lạp] [Sahara] đại-sa-mạc một bên là A-lạp-bá [Arabia] đại-sa-mạc; đôi bên đường lại còn nhiều sở đồn-diền người Anh, xem qua cũng đã biết quy-mô của người Anh vĩ đại là dường nào.

nở rõ theo mùa của một loại tảo lam có màu đỏ *Trichodesmium erythraeum* gần với nước bề mặt. Một số người khác cho rằng nó dùng để chỉ các dãy núi giàu khoáng chất màu đỏ gần đó được gọi là "יִרְדֵּן" (harei edom). Edom, có nghĩa là "nước da hồng hào", cũng là một tên gọi khác trong tiếng Do Thái để chỉ khuôn mặt có màu đỏ của Esau trong Kinh Thánh (anh của Jacob) và dân tộc là hậu duệ của ông, người Edom, và điều này lại đưa ra một khả năng khác của tên gọi Hồng Hải. Cũng có sự suy đoán là tên gọi Hồng Hải có được là do dịch sai của cái mà nó gọi là Hồng Hải trong Sách Exodus của Kinh Thánh." (https://vi.wikipedia.org/wiki/Biển_Đỏ) hoặc "Một giả thuyết được một số học giả hiện đại ưa chuộng là cái tên màu đỏ ám chỉ hướng nam, cũng như tên của Biển Đen có thể ám chỉ hướng bắc. Cơ sở của lý thuyết này là một số ngôn ngữ châu Á đã sử dụng các từ màu sắc để chỉ các hướng chính. Herodotus trong một lần sử dụng Biển Đỏ và Biển Phương Nam thay thế cho nhau" (https://en.wikipedia.org/wiki/Red_Sea).

⁽¹⁸⁾ Tô-duy-sĩ Vãn-Hà: Còn gọi là Tô-y-sĩ vận-hà (蘇伊士運河).

⁽¹⁹⁾ Nghi ngút: đáng cao vượt tầm mắt.

⁽²⁰⁾ Khi được xây dựng, kênh đào dài 164km và sâu 8m. Sau nhiều lần mở rộng, nó dài 193,30km, sâu 24m và rộng 205m. (https://en.wikipedia.org/wiki/Suez_Canal).

Mình phải nhận thực rằng công cuộc kinh-lý của họ là có tính-chất khoa-học từ đến nơi đến chốn, có một cái phương-châm nhất định, có tính toán, có phương-pháp, chứ không phải là làm cho chơ hơ chỏng hổng không đầu vào đầu như công cuộc bên đất nước mình bao giờ.

Đến 15-7-31, 8 giờ sáng tàu đến Port Saïd. Ở Port Saïd người Ai-cập xem chừng đã văn-minh lắm, người Ai-cập được tự trị hẳn cũng vì thế mới được. Tôi nói văn-minh nghĩa là xét về mặt hình-thức theo trình-độ khoa-học ngày nay, chứ cái văn-hóa Ai-cập xưa kia phát đạt đến đường nào, đó lại là một vấn-đề khác. Tôi nói đây là nói về văn-minh vật-chất và lấy đại đa số mà nói. Cứ xem như những người Ai-cập làm cu-li ở bến tàu thời tuy việc làm vất vả, những cũng mũ đồ áo giải, ăn mặc lành lẽ. Ở Port Saïd buôn bán nhiều đồ Ai-cập nhất là đồ chạm trổ.

Nói tóm lại thì tự Saigon qua tới Marseille chỉ có Colombo và Port Saïd là đẹp hơn Saigon Hanoi mình thôi.

Ra khỏi Tô-duy-sĩ Vãn-Hà là đến Địa-trung-Hải. Lại đi năm ngày nữa, mênh mông dưới nước trên trời, nhưng vào đây thì ngó bộ cảnh sắc giời Âu, khí hậu cũng đã có vẻ ôn-hòa, bóng giờ xem cũng thanh-sảng, thiệt là một cái quang-ảnh mới đã hiện ra trước mắt. Chiếc tàu lông bông giữa biển năm ngày nữa thì một buổi sáng kia đã thấy người ta bảo nhau rang [ồn ã]:

Marseille! Marseille!

Ai đã đọc qua địa-dư thời cũng biết rằng: Marseille là một Hải-cảng to nhất của nước Pháp. Lại là một Hải-cảng trong năm hải-cảng to nhất trên thế-giới.

Thành-phố Marseille ở đến 750.000 cư-dân. Marseille ở vào một chỗ hình thể đẹp đẽ, sau lưng có một giải núi, trước mặt có biển. Marseille sở dĩ đô hội là vì chỗ này rất nhiều xưởng thợ và lại cũng là một cái thị-trường to. Một người ngoại-quốc đi đến đây thì thấy ngay cái hải-cảng này thiệt là mỹ-lệ phiên-hoa [phồn hoa], lâu đài cao, nhà cửa đẹp, đường sá sạch sẽ, cây cối um tùm. Mà biết bao cơ là người! Trong hải-cảng có đủ hết các giống người trong năm châu. Mà cái cảnh sinh-hoạt ngó bộ vui vẻ biết là bao nhiêu!

Khách du-lịch đi đến Marseille thì cũng có mấy chỗ lâu đài mình nên xem cho biết, như điện Longchamp, nhà thờ St. Vincent de Paul, nhà thờ Notre Dame de la Garde, cửa Khải-hoàn, đài kỷ-niệm, đều là những chỗ thắng tích trong xứ.

Tôi ở Marseille hai ngày đến hôm 23-7-31 thì khởi-hành lên Paris.

Từ Marseille lên Paris có hơn 800 cây số. Mỗi ngày có đến hơn 12 chuyến tàu có hai đường sắt đi song hành với nhau, một đường tàu đi, một đường tàu lại, để cho khỏi đụng nhau. Trong mười hai chuyến tàu mỗi ngày tự Marseille đi Paris có

độ bốn chuyên tàu đặc biệt chỉ có hạng nhất và hạng nhì mà thôi. Còn các chuyên khác thì có hạng ba nữa. Chúng tôi lấy vé hạng nhì mất mỗi người là 260f. Tàu hạng ba bên này còn tiêm tất hơn hạng nhất tàu ở Đông dương nữa. Tàu đi mỗi giờ chừng được 80, 90km,⁽²¹⁾ ngồi trong tàu phải đóng cửa lại, không thò chổng mặt quá. Lại còn một điều đáng chú ý là trong tàu mấy toa khách lữ-hành không bao giờ được để những đồ hành-lý kèn cồng bễ-bộn, như là rương hòm, bồ to và gánh nặng. Trong tàu chỉ thấy mỗi người có vài ba cái *va-l...* *t* [mất chữ] mà thôi. Nhưng không phải như bên mình, nào hòm, nào tủ, nào gánh, nào gồng, nào cá tôm, nào gà lợn, làm cho khách phải mù cả mắt, choáng cả tai, chết cả mũi. Những vật bê tha quá như rương hòm có toa rương hòm riêng, còn gà vịt trâu bò có toa gà vịt trâu bò đi đêm riêng, thành ra đi tàu hỏa không có gì là mệt.

Cái cảnh vui mắt nhất là kinh dinh [quản lý, kinh doanh] điền địa mà mình thấy trong lúc đi từ Marseille lên Paris, đôi bên đường đi qua biết bao nhiêu là làng xóm, bao nhiêu là thành-thị mà không hề thấy những cái cảnh đói khổ như bên mình. Nhất là cái công việc kinh-dinh thời mình phải phục mới được. bà con thử nghĩ trong một quãng đường hơn 800 cây số mà không hề thấy một tấc [tấc] đất bỏ hoang thì đủ biết. Không! không! thiệt không có đất hoang. Ngoài thành-thị thì thôn lạc [thôn xóm], ngoài thôn lạc thì đồng điền [đồng ruộng]. Chẳng biết họ cày làm sao mà được như thế.

Chỗ nào cũng chỉ thấy ruộng mì, đất trồng củ cải làm đường, đất trồng cỏ cho súc-vật ăn, chứ không hề thấy một mảnh đất hoang nào! Chả trách gì dân người ta phong-lưu, chả trách gì nước người ta giàu mạnh. Đến đây mới biết cái sức người kinh dinh có thể đến đường nào; đến đây mới biết cái địa-vị người ở trong thiên-diễn⁽²²⁾ là thế nào...

Tôi đến Paris vào hôm 23-7-31, lúc 4 giờ chiều.

Nhà ga Paris giải phóng chừng 500 thước tây. Tất cả sở hỏa-xa có 20 nhà phát vé (ở Paris có tất cả 5 nhà ga). Một ngày hành-khách đi lại kẻ có hàng mấy vạn. Một cái đặc sắc trong sở hỏa-xa Paris là công việc tuy rộn rịp mà người làm việc xem chừng lại khỏe khoắn lắm. Số là cách sắp đặt rất là khôn ngoan mà máy móc lại nhiều. Lại ở trên xe cấm không được hút thuốc lá vì sợ làm phiền đến hành-khách, trừ ra có thể hút ở toa nào có đề chữ “*fumoir*” “chỗ hút thuốc” thì mới hút được. Một hôm tôi quen thói ở bên này, ngồi buồn quên rằng cấm, móc thuốc lá ra hút, vừa kéo được một hơi, có một bà già kia ngồi trong một toa với tôi nhắc tôi

⁽²¹⁾ Nguyên văn là: “[mất 1 số] 0, 900 km”. Trong khi đó, năm 1931 đường sắt Pháp đã có tuyến tốc độ lữ hành đạt 107 km/h (https://fr.wikipedia.org/wiki/Chronologie_des_chemins_de_fer). Bởi vậy, chúng tôi cho rằng tác giả đã viết 80, 90 km/h.

⁽²²⁾ Thiên diễn (天演): Cuộc chơi bày tự nhiên.

rằng: “Thưa ông, chỗ này có phải chỗ hút thuốc lá đâu” tôi liền sức nhớ, vội vàng tay quăng ngay điều thuốc ra ngoài xe một cách thẹn-thùng, mà miệng thì nói xin lỗi bà, xin lỗi bà, thấy thế mà nhớ lại bên ta đi xe-hỏa thì mình tự-do như thể chiếc xe riêng của mình, không có ai nữa, nào hút thuốc lá, điều này đến điều khác luôn tiếp khói quần đầy xe, nào xả bã mía, lá bánh giò, nào vỏ cam vỏ quýt. Nghĩ thế mà buồn cười.

Đến Paris, tôi cùng một người anh em bạn thuê một căn phòng ở Rue de Poissy mỗi tháng 1200f. Chúng tôi ở chỗ này là vì con đường này ở tại Quartier Latin để tiện giao thiệp với các người học-trò mình du học ở đây.

Ở trong thành-phố Paris muốn đi lại chỗ này chỗ khác có nhiều thứ xe cộ cho hành-khách dùng. Auto taxis là những thứ xe auto hòm trong xe có một cái thước Taximètre dùng để đo xem quãng đường vừa đi tốn hết bao nhiêu tiền. Ai muốn thuê đi đâu cũng được, đi mấy giờ cũng được, cứ xem biển kế-toán tự-động ấy mà giả tiền. Hành-khách cũng có thể dùng xe autobus, xe autobus chở nhiều người mà cứ đến đầu con đường nào cũng dừng để cho hành-khách lên xuống. Mỗi đầu đường có đặt một cái máy có các mảnh giấy đề số thứ tự, khách đến đó đợi xe cứ thò tay vào cái ngăn con kéo ra tự khắc có một mảnh giấy có số lòi ra theo thứ tự kể trước người sau, khi xe đến trình số ấy cho người coi xe mà lên. Một hôm xe đến chỉ còn có 10 chỗ ngồi, mà số khách đợi đó đến 12 người tây, 10 người số trước lên xe, hai người số sau cũng muốn lên xe. Những người coi xe hạ bản “complet” “đủ số” và xin họ đừng lên, hai người ấy phải làm thỉnh bước lui chờ chuyển xe khác. Hai người ấy là hai vợ chồng người chồng ăn mặc rất lịch sự, đã có tuổi, đeo ở khuy áo dấu hiệu tứ hạng bậc-đầu bội-tinh (officier de la légion d’honneur).

Ngoài hai thứ xe này lại có tàu điện chạy trên đất, tàu điện chạy dưới đất trong các con đường hầm. Thứ tàu điện chạy trên đất ở Hanoi, Saigon cũng có nhưng thứ tàu điện chạy dưới đất thì thật cả Đông-dương không có. Tàu này to như tàu hỏa-xa chạy ngầm dưới hầm đi cùng cả thành-phố Paris, cứ cuối mỗi phố lại có một cửa hầm có cấp [bậc] để hành-khách lên xuống, tàu này hai hạng: hạng nhất mỗi người 1f (0\$10), hạng nhì mỗi người 0f75 (0\$075) khi xuống lấy một vé tha hồ đi dưới tàu cả ngày cũng được, chỉ trả ra khi thò đầu lên khỏi hầm, mắt thấy phố xá thì vé ấy không dùng lại được nữa. Tàu có hai đường: đường đi đường về, chạy mau như hỏa-xa. Khi tàu chạy qua sông thì đường tàu đục ở dưới đáy sông bên này qua bên kia. Dưới cửa hầm ngõ ngược ngõ xuôi, đường lên đường xuống rất là lúi-lắng [lôi thôi], thế mà hành-khách có khi đến 5, 7 ngàn người một lúc mà đi vẫn không lạc, vẫn êm đềm chỉ nghe thấy tiếng gót giày lộp cộp mà thôi. Tại làm sao? là tại đâu đâu cũng có bản treo địa đồ chỉ đường rõ ràng, và lại dân ai ai cũng đều biết đọc chữ cả, tự xem bản mà tìm đường đi, ai ai cũng biết kỷ luật

không dám làm ồn ào kêu réo, nói to tiếng, khạc nhổ bậy dưới hầm vân vân. Thứ tàu này Chính-phủ làm ra rất tiện lợi cho bọn thợ thuyền, người nghèo có ít tiền mà cũng đi được cùng thành-phố Paris để lo việc sinh-nhai. Trong nước văn-minh dân đều biết đọc, biết viết chữ, biết kỷ luật nên mọi việc đều có trật-tự, có kết-quả mà không phải phiền phức.

Tuy xe cộ nhiều như vậy, nhưng cứ mỗi chuyến xe chở hành-khách nào đi cũng vẫn thấy chật ních những người cả. Một điều lạ là lúc mình đi giữa đường thành-phố thời đường tuy đông người mà mình vẫn không hề nghe ồn ào như các con đường ở Hanoi hoặc Haiphong bên mình. Có lẽ vì mình ở giữa chỗ náo nhiệt quá rồi cái lỗ tai bao giờ cũng nghe những tiếng ồn ào nên choáng cả tai mà không biết là ồn ào nữa chẳng. Có lẽ dân người ta kính-trọng sự tự-do của công chúng, nên đi đường không bao giờ la to hét lớn sợ làm phiền cho người khác chẳng? Một điều tôi đã thấy ở Paris là lúc cùng nhau đi giữa đường, nếu vì đông người mà lạc không thấy nhau thì người ta không hề gọi nhau bao giờ chỉ đi tìm mà thôi, có chuyện gì nói, thời cũng chỉ nói nho nhỏ với nhau, chớ ở giữa đường không bao giờ nghe những giọng to tiếng, làm cho thiên-hạ phải chú ý vào việc của mình. Trong hơn hai tháng tôi ở Paris thường thường đi phố này phố kia luôn mà chỉ thấy có một bọn thợ thuyền đầu đội mũ casquette [nón kết] cãi nhau ở trước hiệu bán rượu con đường phố Montmartre, nhưng lạ thay là chỉ nghe cãi nhau nho nhỏ trong đám đông người ở ngoài đường rồi họ đưa nhau vào ngay ở quán rượu gần đó mà cãi nhau, thế mới biết là họ sợ cái tiếng to ngoài đường bị phạt nặng lại xấu hổ, không như bên ta hề động một tí thì nằm vạ hay la làng xóm đâu.

Lại một tối, tôi đi xem đám rước đèn ở trường đấu-xảo, người đi xem kẻ đến 5, 7 vạn đông như vỡ ổ kiến, thế mà con đường nào hoặc đám đất nào cấm công chúng không được vào thời chỉ giăng một sợi giây con làm giới-hạn với vài cái bảng đề chữ “Défense d’entrer” (cấm vào), ai đến đó thấy bảng ấy tự nhiên lui bước ngay, người đông như thế mà chỉ đặt vài cái bảng với chú lính canh-sát là giữ gìn trật-tự được, không phải như bên ta xô đẩy nhau đổ cả rào dậu lại các chú lính cầm roi mây quát trót trót mà cũng a [xô] vào cho kỳ được. Không phải tôi nói đây là có ý bài xích sao bên xứ ta không bắt chước như bên Pháp đâu. Thật ra là dân ta chưa có công-dân giáo-dục, chưa biết kỷ-luật, không mấy người biết đọc chữ thì không tài gì cai trị giống như bên Pháp được. Hiện dân ta ngày nay còn kém giáo-dục quá, nên mong sao ngày kia tán ích [giúp tiến bộ] về đường giáo-dục về đường học-hành thì tự khắc là được hưởng những cách cai trị văn-minh kia vậy, điều ấy ta nên trông mong vào Chánh-phủ.

Paris là một thành-phố hòa-xa mỹ lệ đệ-nhất trong hoàn-cầu, sự sinh-hoạt ở một chỗ phồn-hoa đô-hội như thế đất đỏ là cố-nhiên rồi. Đến đây cần nhất là có

đồng tiền trong túi rồi mới có thể nói chuyện được. Đồng tiền tức là cái thước đo phẩm giá con người ở các chỗ này, đồng tiền làm giới-hạn cho giai cấp, đồng tiền làm nền tự-do, nền bình-đẳng. Tôi đã vào nhiều khách-sạn, có khi đồng bàn với các ông thượng-lưu, vương tôn, quý-khách, quần áo bảnh bao, mỗi bữa cơm giá đến 100f, cũng có khi vào các tiệm cơm nhỏ, ngồi cùng phòng ăn với các anh tài-xế, các bác thợ thuyền, ăn mặc đơn sơ, áo xanh mũ vải, bàn ăn mặt đá phủ giấy.

5 quan một bữa, đồ ăn thô, những người Pháp làm thợ thuyền mặc dầu, ăn uống cũng vẫn được phong-lưu. Bữa ăn có thịt, có rau, có xúp, chứ không phải là bánh mì nguội chấm muối trắng mà thôi đâu. Số là tiền công thợ bao giờ cũng đủ ăn tiêu, vả lại về đường thương-mại, cách sắp đặt gọn gàng[g], giá bán nhất định, nhờ có sự vận tải tiện lợi, nên chi đồ ăn bao giờ cũng có đủ cung cấp cho thành-phố tiêu thụ. Nhiều tiền thì mua được miếng ngon, ít tiền thì mua phải miếng dở, nhiều tiền thì đi chợ sớm, ít tiền thì đi chợ chiều sẽ được giảm giá.

Tôi xin nói qua cách tổ-chức thương-nghiệp ở Parris về sự cung cấp thực-vật [thực phẩm] cho dân-cư trong thành phố. Sự cung cấp ấy sở dĩ thuận tiện là nhờ có các thương-đoàn [công ty thương mại] để cung cấp nguyên-liệu, hoặc vật hạng chế tạo cho dân chúng. Ví dụ như một thương-đoàn để bán thịt heo cho dân thành-phố. Thương-đoàn bán thịt heo tổ-chức rất thuận-tiện. Có chánh-điểm lại có chi-điểm ở trong các phố lớn để bán cho dân trong phố. Ở Paris không cần đi chợ, chỉ tới nhà hàng mà mua cũng đủ. Nhưng một điều cần là các tiệm buôn phải về các tỉnh để mua heo, vậy nên lại phải có chi-điểm ở các tỉnh. Khi đã mua heo rồi thì họ lại chở theo tàu hỏa, đã có toa riêng chạy đêm chở các giống vật để làm thịt. Làm thịt rồi đem ướp buồng lạnh 5, 7 ngày cho miếng thịt được mềm rồi mới đem bán, nhưng thịt vẫn tươi... Bán bằng kilo có giá nhất-định. Nhưng đến buổi chợ chiều thì bao giờ cũng rẻ hơn. Còn đến các nghề bán rau, bán trái cũng vậy, ra chợ là có đủ mà không phải mặc cả gì hết. Mua ít thì gói giấy cầm tay, mua nhiều thì có người đưa lại tận nhà.

Luôn tiện đây tôi xin nói một điều tôi đã mục-kích về người mua kẻ bán Tây và Nam không hiểu nhau, làm cho cả hai bên đều ngơ ngẩn: chị bán hàng hoa quả kia hai tay đẩy một cái xe, trên thùng có các ngăn để giá rõ; đầy những đào, mận, nho, lê thùng-thỉnh bước rảo trên thành-phố, xem ra ý có vẻ mừng, bụng bảo dạ rằng: có lẽ hôm nay sẽ gặp bác khách xứ lạ mua hàng; đương nghĩ thơ-thần, vừa thấy một chàng da vàng ghé lại bên xe, bảo: bán tôi một cân nho nào. Miệng nói tay liền thò vào chực chọn chùm nho quả to và chín nhất.

- “Thưa ông đừng chọn, ông chọn thế còn các chùm xấu xanh kia để lại cho ai mua, ông cứ để tôi gói cho ông và sẽ lấy đều có chùm to chùm nhỏ, để kẻ mua sau cũng được vừa ý như ông bây giờ”.

Anh chàng đã chịu thua một nước rồi, bụng phàn nàn sao bên xứ ta, mình có tiền mua là có quyền chọn, mà đây lại trái ngược hẳn thế này. Chị đầm vừa chọn xong, anh ta thò tay lấy ngay một chùm nho độ 10 quả thiệt to bỏ vào gói ý cho là thêm đó. Chị kia không hiểu cứ gói lại rồi hỏi tiền là bốn quan năm.

- “Sao lại 4f50, giá chị yết kia kia, có 4f một cân thôi”.

- “Thế chùm nho sau không tiền à?”

- “Là tôi thêm đây chứ”.

Tuy nói vậy mà tay đã phải móc túi thêm tiền mà trả đủ. Tôi cũng đứng ngừng đó muốn mua nho vừa gặp chuyện như thế, chị kia chưa rảnh tay mà bán. Tuy mất 5, 10 phút nhưng cũng hay cho trí khôn mình khảo sát được một điều hay. Việc rất tầm thường mà Tây Nam còn chưa hiểu nhau, huống hồ việc khác khó khăn hơn. Sực nhớ người Tây sang Annam ở được một hai năm mà đã tự phụ rằng hiểu được tâm-lý người Annam; nếu có ra làm việc chính-trị đối với thôn-quê nhiều điều sai lầm là có bởi đó.

Các cửa hàng buôn vật, hàng chế-tạo cũng tổ-chức thành đoàn-thể như thế. Thương nghiệp ngày nay cần nhất là phải cạnh tranh cho thắng lợi thì phải tổ-chức thể nào cho hoàn bị, chế-tạo phải cho ít tổn phí, bố trí phải cho giản tiện, mà lại không lãng phí nguyên liệu, rồi lại phải dành lấy các mối hàng nữa. Ấy thế cho nên phải trù tính cách chế-tạo, các chỗ bán phải chiêu hàng, phải có người đi làm quảng-cáo, lại phải có người bán hàng cho vui vẻ linh-lợi để cho vừa ý khách mua. Rồi lại có tiền hoa-hường cho các mối khách tốt, cho những người mua tiền mặt nữa. Thỉnh thoảng cần phải bán “xôn” để chiêu khách. Bán xôn nghĩa là lựa những món hàng hơi cũ đem ra bán sứt giá, để cho bằng lòng các người tiền ít cũng mua được mà dùng, lại các khách nhiều tiền được lòng tin rằng đến mua đồ đó không gặp hàng xấu, hàng củ, hàng không hợp thời thượng.

Đi xem cách người ta buôn bán khôn ngoan, lại thẹn cho cái nghề buôn bán của mình. Chả biết khi nào mình sẽ có một nền kinh-tế như người nhĩ? Còn nhớ hôm nào tôi đi vào một tiệm giày, tình cờ gặp một cậu công-tử mua giày kiểu tân-thời. Một cô thiếu-nữ khoảng độ 18, 20 đứng tiếp khách (dùng đàn bà con gái đẹp bán hàng là một thói thông dụng ở các nhà buôn để cho vui lòng người mua). Cô bé lanh-lẻo làm sao? Giọng cười tiếng nói dễ thương làm sao?

- Thưa ông, ông mua đôi giày nào ạ?

- Tôi muốn mua đôi giày kia.

- Xin lỗi ông, cái “mốt” này bây giờ đã hơi củ rồi ạ. Giá ông lấy đôi này thôi có lẽ đúng theo thời thượng hơn.

Khách mua chọn xong giày, vào trong một căn phòng nhỏ để thử; khách ngồi trên một cái ghế để chân vào một tấm đệm. Cô bé quỳ xuống lượm chân tháo đôi giày cũ của khách, lắp đôi giày mới vào rồi lại cất tiếng oanh thoả thễ rằng: “Chao! đôi giày này vừa cho ông quá; ông xem cái da tốt biết bao”.

Mình trông thấy những cách chiều khách đến thế thời mới biết cách kiếm tiền ở trong chỗ đô-hội khó khăn là dường nào... Nghề buôn cũng lắm công phu nhỉ?

Mình lại mừng thầm cho các bà, các cô lái buôn theo kiểu “Quý phái” bên mình.

Các bà ngồi chễm chệ trên giường, thấy một người khách nào vào.

- Mua gì đây?
- Cái áo này bao nhiêu?
- Bảy đồng đây ông ạ.
- Ba đồng đó.
- Không được.
- Thôi thì ba đồng hai.
- Thôi đừng mặc lấy áo ba-ga⁽²³⁾ nữa mà xốt.

Ấy thế cho nên đầu người buôn bên mình còn ầu trĩ mặc lòng, tôi cũng vẫn mừng cho các ông lái, các bà chủ cửa hàng Annam mình được một cái hoàn-cảnh dễ chịu hơn các bạn đồng nghiệp ở Paris vậy.

Lại một điều lạ hơn ở xứ ta là tại Pháp không có một con muỗi nào, giường nằm không phải treo màn (màn). Tại Paris tôi cũng không thấy có ruồi, dán, thằn-lằn, rắn-rít vân vân... Ban đêm đèn điện sáng choang mà không hề thấy có các con mồn-hăn, phù-du bay xung quanh đèn; cũng thật phước cho các anh cai đèn đỡ công lau chùi. Đồ ăn còn thừa lại để năm bảy ngày không thấy siu [thiu] hôi gì cả. Xét thế thì biết quan Thượng thư thuộc-địa Reynaud⁽²⁴⁾ sang đây kêu rằng xứ ta chưa thấy trừ hết muỗi được là lời nói rất xác-đáng không có tí gì là mô [mơ]-hồ cả. Ở trong các rừng gần Paris đi đêm không sợ rắn rít không sợ cạp beo như bên ta, vì các giống đã có hại đến tính mạng người thì ai nấy đều ra tay khử trừ cho tuyệt giống. Khi đi mỗi chân một chon đám cỏ xanh dưới bóng cây nằm nghỉ không thấy một con kiến, con sâu bọ gì đến làm phiền mình cả, có thể đánh một giấc êm ái như trên giường nằm của mình vậy.

⁽²³⁾ Ba-ga: phải chăng là nói tắt của "líp ba ga (libre bagage)" thịnh hành thời thuộc địa, ý là “miễn phí” ?

⁽²⁴⁾ Paul Reynaud (1878-1966): Chính khách Pháp. Ông là người khánh thành Triển lãm Thuộc địa Quốc tế năm 1931 tại Paris với tư cách là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp.

Tôi ở Paris hơn hai tháng. Ngày nào cũng đi xem lâu đài cung điện. Nhưng ngoài cái mình thấy còn biết bao nhiêu điều mình không thấy ngoài chỗ mình xem, còn biết bao nhiêu chỗ nên xem, mà mình chưa đi xem.

Tôi đến Paris vào quảng tháng Juillet [tháng Bảy], mà đến Décembre [tháng Mười hai] thì cuộc đấu-xảo mới bế mạc, nên tôi cũng đủ thì giờ đi xem xét.

Cuộc đấu-xảo thuộc-địa năm 1931 tổ-chức ở rừng Vincennes, trên một khoảng đất rộng đến 4, 5km². Ý nghĩa cuộc đấu-xảo là cốt so sánh xen cái hiệu-quả chính-sách thực dân các nước cường-quốc là thế nào. Cho nên cái ý nghĩa sâu xa của cuộc Đấu-xảo là chính để làm quảng-cáo cho chính trị thuộc-địa vậy. Còn một lẽ nữa là nhờ có những cuộc Đấu-xảo thời người Pháp mới biết rõ tình-hình ở các thuộc-địa rồi đem tiền của qua mà kinh lý.

Cuộc đấu-xảo này kể ra tốn kém mấy chục triệu, nước Pháp chịu ¼ phí tổn. Còn ¾ nữa, các thuộc-địa chia nhau đóng góp. Nói về cách sắp đặt, thời một cuộc đấu-xảo cũng tựa như là một cái hội-chợ to vậy. Mỗi xứ thuộc-địa có một khu riêng. Người ta chụp ảnh những chỗ danh thắng, rồi dùng vôi xây thành những cái lâu đài giả theo kiểu nhà ở các xứ. Như vào chỗ bố-trí của Đông-dương thì những cái nhà giả chùa Đê-thiên Đê-thích, bất chước nhà thờ ở Saigon, lại có làm kiểu nhà giống đình làng công vôi, trong đình có nặn hình người to như thật, người thì mặc áo rộng xanh, người thì mặc áo đội mũ, theo lễ tế, đứng hàng đôi hàng ba theo kiểu hưng bá xem như thật. Lại có kiểu nhà rường ở Huế, có cô đeo kiềng vàng đứng dựa cửa, trên phản cật Ấm đang uống nước chè Tàu. Có cái nhà hội giảng đạo công-giáo (catholicisme) ở trong bài trí phô-diễn rất lịch-sự, rất tinh-tường, bao nhiêu các sự nguy-hiểm mà các thầy giảng đạo hy-sinh trong khi đi khuyến dụ các xứ đều diễn ra bằng tượng hình người cao độ 0m20 cả. Xem ở quả địa-cầu ví dụ 1000 xứ thì đã 800 xứ có vết chân của các thầy giảng đạo Công-giáo rồi, đến cả các xứ gần bắc-cực và các xứ có mọi ăn thịt người cũng có họ. Tôi có ý tìm chỗ bài-trí ở Đông-dương xem thế vào, thì thấy ở trong các cảnh kia có một cảnh có ba bốn bà-xờ (nữ tu-pháp) đang mua đứa trẻ mẹ nó đem đến bán; ở dưới đề rằng “Les Sœurs de la Sainte Enfance⁽²⁵⁾ (một tổ chức từ thiện dành cho trẻ em để hỗ trợ trẻ em ở nước ngoài) achètent des enfants annamites” “các bà-xờ ở Hải-nhi Thánh-hội đang mua con trẻ Annam”. Đang có vẻ buồn ngắm cảnh-tượng ấy mà ngậm-ngùi thương-tâm, bỗng chốc bên tai nghe nói xì-xò rằng: “Tiens! Les Annamite vendent leurs enfants” “Kìa! té ra người Annam họ bán con đi”. Ngảnh lại tôi thấy hai vợ chồng ông tây đang nói. Cũng may cho tôi; e họ cho tôi là chú Chệt hay anh Nhật,

⁽²⁵⁾ Sainte Enfance: Một tổ chức từ thiện Công giáo dành cho trẻ em ở nước ngoài (ngoài nước Pháp) thành lập từ năm 1843.

chứ như họ rõ bên cạnh họ có anh Annamite thì chắc họ hỏi căn do sao mà người xứ anh lại đem con đi bán, khi ấy lại phải làm cho mình lúng-túng về câu trả lời. Ừ hay té ra hội giảng-đạo họ chú ý phô-trương công-đức họ mà thành ra tự nhiên bêu cái thảm-trạng mình, cái khốn-nạn mình ra cho Âu-Mỹ xem, cũng đáng buồn cho tình-cảnh mình thật. Cứ xem lịch-xử [lịch sử] bài-trí trong nhà này thì mới biết thế-lực hội giảng-đạo Công-giáo là đường nào, cách kinh-dinh họ khôn khéo là đường nào.

Trong mấy cái nhà ấy họ trang sức [làm đẹp] tuyền những vật thổ-sản của các địa-phương. Có kẻ sẽ hỏi rằng: Thế thì dùng vôi dùng cát làm thành nhà cửa rồi lại phá thì dùng hoài đi sao? Có thể, nhưng ta nên biết rằng cái tiền dùng đó không phải là cái tiền bỏ đi. Mở cuộc đấu-xảo kết-quả được mỹ-mãn thì bao nhiêu sự ích-lợi về kinh-tế, xã-hội, chính-trị, đều gồm đủ hết, xét điều cận kiến [thấy trước mắt], như là vạn ức người ở xứ khác đến xem, có người phải tiêu tại Paris, có đến đôi ba chục vạn quan (đôi ba vạn đồng), ít nhất cũng phải tốn hết 5000 frs (500p). Tiêu gì? Mua các đồ cần dùng của người Pháp chế-tạo ra, tiền xe, tiền cơm, tiền phòng, tiền chơi đủ thứ, các món tiền tiêu ấy đều nằm trong nước Pháp cả. Thế chả lợi lắm ư. Vả lại làm nhà lên phải có thợ, phá nhà đi cũng phải có thợ, thời đấu-xảo cũng là một cái phương-pháp đối phó với cái nạn thất-nghiệp của thợ thuyền chứ sao?

Về đường chính-trị nước Pháp thì cuộc đấu-xảo làm cho dân Pháp và các nước khác biết sự phú-cường thế-lực thuộc-địa Pháp là thế nào, chính-phủ Pháp khai-hóa cho dân thuộc-địa đến trình-độ nào. Nhưng ta cũng còn có thể nói rằng: Ấy cũng nhờ có đấu xảo mà dân thuộc-địa biết thêm nước Pháp về đường kỹ-nghệ. Quả có thể: trong cuộc đấu-xảo mình thấy những vật chế-tạo ở Pháp. Trong trăm nghìn thứ, tôi có thấy vài thứ như là đồ thêu ở Gobelin và đồ gốm ở Sèvres, thật tinh-xảo đệ-nhất trong hoàn-cầu, không nước nào bắt chước được. Các thứ máy to từ máy bay cho đến máy cày, các thứ máy nhỏ từ máy đánh chữ, máy toán⁽²⁶⁾ cho đến máy liếc dao, máy nào cũng rất tinh-tế tiện lợi. Có bày đủ các thứ hàng lụa, bánh kẹo vân vân không sao kể xiết được.

Ngày thì đi xem đấu-xảo, ngày thì đi xem các chỗ danh-thắng trong Paris, xem mấy cái bảo-tàng-viện, mình phải khâm phục cái tính tồn-cổ [bảo tồn] của người Pháp. Ai biết đến bây giờ mà những vật như giường ngủ, nệm, gối vua Louis XIV, ghế bàn đời Louis XV ở Versailles, cái giường ngủ của bà Marie Antoinette vợ Louis XVI, sợi tóc của vua Napoléon mà vẫn còn giữ được ở đền [Royal Château?] Fontainebleau? Tôi lại có thấy ở trong một gian nhà kia ở Musée des invalides còn có giữ các chiến lạp, ngự bào của các vua đời xưa nước ta là và các nước khác, lại

⁽²⁶⁾ Máy toán: có lẽ là máy tính cơ học.

có máy kẹp dẹp người [?] của nước mình ngày xưa nữa chứ. Cái tinh-thần hiếu-cổ và tôn-cổ của người Âu sao chẳng bù cho cái óc phá hoại của người mình nhỉ?

Cái tính tôn-cổ của người Pháp không những là ích cho nước về đường tinh-thần mà lại có lợi nữa. Vì người các nước ai ai lại không ao ước đến Paris mà xem đồ cổ, vào xem mỗi người phải trả tiền vài ba quan, tiêu pha trong Paris không phải là ít tiền, nhưng chi phí về các người coi ngó về việc bảo-tồn các đồ cổ ấy cũng hết nhiều công-phu tài-liệu lắm, không phải là việc dễ, ít vốn nhiều lời như ta ngờ đâu.

Hôm 1^{er} Septembre [tháng Chín] 1931, tôi tới thăm nhà Hạ-nghị-viện [Palais Bourbon] ở đường Quai d'Orsay. Cả thấy có đến 600 ông đại-biểu hạ-nghị-viện, mỗi ông nhà nước cấp tiền phụ-cấp 60.000fr một năm, là 500\$ một tháng. Tôi không tả cái cảnh-trí tòa nhà này ra đây làm gì, tôi cũng không có thể tả cái quang-cảnh một bữa hội-nghị, vì lúc tôi qua thì Hạ-nghị-viện đã bế mạc rồi. Tôi không được đến dự thỉnh một hôm nào. Nhưng thiết-tưởng có thấy nữa thì cũng thêm “thèm” cho đồng bào mà thôi. Thử hỏi: Nếu như nay mai gì đây, mình có một tòa Hạ-nghị-viện, có lầu đài, có hiến-pháp, về mặt hình-thức không thiếu một ly, thì cái nội-dạng của nghị-viện thứ-dân Annam sẽ ra thế nào? Các ông nghị ta sẽ có đủ kiến-thức, đủ tinh-thần cho xứng đáng với cái địa-vị mới mang vinh diệu [vinh dự] này không?

Ngày 15 Août [tháng Tám], một buổi chiều kia, tôi đi cùng Cụ lớn Tôn-thất-Đàn⁽²⁷⁾ thượng-thor bộ-hình đến thăm đền Nghia-Sĩ [Temple du Souvenir Indochinois] ở Nogent-Sur-Marne.⁽²⁸⁾

Nhà làm có vẻ vĩ-đại trang-hoàng. Đây là đài kỷ-niệm các người lính Đông-dương tử-trận trong hồi Âu-chiến [Thế Chiến I]. Bước chân tới đây mà tấm lòng lại bồi-hồi vô hạn, lại sức nhớ đến tấn tuồng lưu-huyết năm xưa. Cảnh-vật ủ ê, trạng chinh-phu⁽²⁹⁾ như vẽ, khói hương mang-mác, hồn tráng-sĩ đâu đây? Thử hỏi sau một lần kinh-nghiệm, thăm-đoạn [giai đoạn bi thảm] lâm-ly, bốn năm giờ đó, nhơn-loại ngàn [ngày] nay đã khôn được ly nào chưa? đã chán cảnh chém giết lẫn nhau chưa? Ôi! nào phải tôi có ý đem những ý tứ bi-quan mà tạo thành những câu kinh-nhơn ngữ. Nhưng tôi phải thú thiệt rằng xét theo hiện-tượng thế-giới, khuynh

⁽²⁷⁾ Tôn Thất Đàn (1871-1936): tác giả sách *Lạc Viên tiểu sử* (樂園小史), đã in lần đầu tiên trên *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*. Sờ KH và CN Thừa Thiên Huế. Số 103. Tháng 5/2013.

⁽²⁸⁾ Temple du Souvenir Indochinois (Đền Tưởng niệm Đông Dương) nằm trong Vườn Thuộc địa (Jardin Colonial) Nogent-sur-Marne, nay là Vườn Nông học Nhiệt đới Paris (Jardin d'Agronomie Tropicale de Paris). Đền nằm trong một quần thể kiến trúc Đông Dương xây dựng cho Đấu-xảo Thuộc-địa năm 1907. Ngôi Đền này bị phá và cháy năm 1984; nó được xây dựng lại trên một mô hình nhỏ hơn nhiều vào năm 1992. Tòa nhà Đông Dương được phục hồi vào năm 2011.

⁽²⁹⁾ Trạng chinh-phu: dáng hình người lính xuất chinh.

hướng nhân-loại ngày nay rồi mình tự hỏi mình. Nhân-loại đã [đã] chán-nản với chiến-tranh chưa? đã thiết thích hòa-bình chưa? Thời thế nào cũng phải hoài nghi, không dám chắc trước.

Đi đền Nghia-sĩ ở Nogent-Sur-Marne về được ba hôm tôi tới coi bộ thuộc-địa thượng-thư. Trong bộ-đường có đến mấy chục văn-phòng, sở nào có chuyên trách của sở ấy. Tôi có đến thăm ông Hermant là quan Tổng-giám-sát, Y-chánh Đông-dương. Tiếng rằng sở to, nhưng bàn giấy của ông ở trong một phòng nhỏ bề ngang độ 3 thước, bề dài độ 4 thước. Chẳng có tí gì là trần thiết [bày biện] mỹ-lệ xa-hoa cả. Ông ấy cũng chẳng có auto của nhà nước cấp, ông phải đi xe nhà mà thôi. Ông này là quan thầy thuốc ở bên Annam ngót ba chục năm rất lão-luyện am hiểu tính chất người mình và lại vẫn có lòng muốn khai-hóa cho người mình. Nguyên tôi có biết ông khi trước ở bên này, nay ghé thăm lại nghe tin ông gần sang nhậm chức Tổng-trưởng Y-chánh Đông-dương tại Hanoi có ý lại hỏi một vài điều.

- Thừa ông, sở y-chánh bên Annam xem như chỉ ích lợi cho một hạng người rất ít ở tỉnh thành thôi, còn ở thôn quê người nghèo bệnh nhiều mà không được hưởng ân-huệ của sở Y-chánh nhất là trẻ con trong mười đứa, đã có chín đứa hoặc ghẻ chốc, hoặc đau mắt, bết mắt hoặc bụng to óc-nóc⁽³⁰⁾ đầy những sán-sùng [giun sán], mà không có tí thuốc nào.

- Ông nói: điều ấy thật quả nhiên [đúng], chính-phủ đang thảo vấn-đề lập các nhà thương nhà đẻ ở các phủ huyện cho đủ và cho xe camion có thầy thuốc đi cho thuốc khám bệnh cho trẻ con người lớn ở thôn quê. Việc này tôi thấy đã có khi sự [khởi sự] thi hành ít nhiều rồi.

- Tôi hỏi ông sao các thầy thuốc đã làm việc nhà-nước có lương mà được phép lập nhà thương tư nhà hộ-sinh tư chữa bệnh đỡ đẻ ngoài lấy tiền, thành thử một đôi khi bệnh nhân trông đến nhà thương xin chữa bệnh bị viên thầy thuốc bạc đãi để sau dùng vào nhà thương công nữa mà vào nhà thương tư của ông hay là mời ông chữa riêng cho.

- Ông trả lời rằng: “Việc ấy vì bên Đông-dương còn ít thầy thuốc quá nên thầy hay mà làm ngoài không có mấy. Như người mắc bệnh đã tin ông thầy thuốc kia đang tại chức mà muốn mời chữa riêng, nếu lại cấm không cho chữa thì lại trái với nhân-đạo lắm sao? Mà đã chữa riêng thì họ có phép lấy tiền công, vì thế mà hiện bây giờ không có thể cải cách được”.

Nghe nói thế cũng phải. Thôi mình hãy đợi ít lâu có thầy thuốc học tốt-nghiệp ở tây về mở nhà thương tư, thì bệnh-nhân sẽ thoát ra khỏi vòng khốn khổ ấy.

⁽³⁰⁾ Óc nóc: Cứng phòng như bụng cá nóc (Trần Ngọc Bảo, *Từ điển phương ngữ Huế*).

Nhân khi đến xem tòa thượng-thư thuộc-địa, tôi có yết kiến một vài ông trong bộ đi xem nhà-báo cũng gặp được vài ông chủ báo. Lại cũng có tiếp chuyện với một vài ông Đại-biểu [Nghị sĩ Hạ viện?] rất danh tiếng ở Paris. Trong khi nói chuyện, kẻ nói qua, người nói lại. Đối với tôi cũng có điều bổ ích cho tinh-thần mà đối với các ông cũng biết thêm được nhiều chuyện thời cục Đông-dương nữa.

Ở Paris tôi có gặp cụ Lê-nhữ-Lâm⁽³¹⁾ là quan Phụ-đạo vua Bảo-đại ở Pháp ngày nay. Cụ Lâm ở phố Lamballe số nhà 13, tức là nhà vua Bảo-đại mua để làm chỗ trú thất [nhà lưu trú] ở Paris. Đứng ngoài trông thì nghĩ chẳng ai biết đó là một cái cung vua. Nhà ba tầng cũng in hệt như các cửa hàng khác vậy. Hôm tôi tới Paris thì đức Hoàng-đế đã ngự ô-tô đi nghỉ ở Vichy rồi... Vào nhà ở tầng dưới thấy gian ngoài để một cái bàn to, gian làm buồng khách, gian làm buồng ăn. Ông Lê-nhữ-Lâm bảo tôi rằng: Cái bàn to này là bàn học của Hoàng-đế học với một ít học-sinh tây tính-chất [bản chất] tốt, tại Paris có thầy dạy theo chương-trình. Ở trên từng gác nhứt có 3, 4 cái buồng, một buồng có để giường của vua nằm. Một buồng bên cạnh là buồng của ông Charles là quan Phụ-đạo tây của Hoàng-đế Annam và vài buồng để khách trú.

Tôi xem thấy buồng ngủ và giường nằm của Hoàng-đế ngày nay rất là đơn giản, có vẻ gọn-gàng bền-vững; tôi lại nhớ đến trước mắt tôi cái buồng nằm, cái giường ngủ của vua ta ngày xưa thì xem ra khác hẳn như giới với vực. Thấy thế mà quả tim đã vội đánh phập-phồng, mừng thầm cho tiền-đồ nước ta có một vị Hoàng-đế đã ngót 10 năm nằm trong một cái phòng đơn giản gọn-ghẽ ấy, mỗi đêm nằm trên cái giường vững-bền kia, mỗi đêm trước khi nhắp [nhắm] mắt, ắt cũng nhớ đến nước đến dân, mà suy tính những việc cải cách sau này, làm cho nước mạnh dân giàu, bỏ cái công nghìn dặm tìm thầy, mười năm đọc sách ở chốn kinh-đô Mẫu-quốc khối-óc hoàn-câu. Tôi nghĩ như thế mà cảm tình lai láng, hy-vọng chứa chan, mong lắm thay! mong lắm thay!

Dân Trung-kỳ đã được sang đến Paris ai lại không ước ao được vào yết kiến Hoàng-đế, nhưng rủi không gặp lấy làm tiếc vô hạn. Trước khi tôi xuống tàu về Trung-kỳ tôi có cậy cụ Lâm tâu Hoàng-đế cho thì Hoàng-đế cũng có vẻ ân-hận.

Tôi không được yết kiến Hoàng-đế nhưng tôi có được hầu chuyện cụ Lê-nhữ-Lâm. Khí vị Paris xem chừng hấp cho cụ lắm. Một vị quan ở Triều-đình Huế qua Pháp lại ở ngay một chỗ không có tý gì là Huế cả, mà lại có ý tự-do, tự tại cho làm

⁽³¹⁾ Lê Nhữ Lâm (1881-1963): Quê làng Vân Trình, xã Phong Bình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế; đỗ Cử nhân năm 1906. Khi ông được thăng chức Hàn Lâm Viện thị giảng thì sung chức Giảng tập cho Hoàng tử Vĩnh Thụy (Vua Bảo Đại sau này) và theo Vĩnh Thụy sang Pháp trong suốt thời kỳ du học. Năm 1933, trở về nước, ông được Vua Bảo Đại bổ làm Tổng tài Quốc Sử Quán, chỉ đạo biên soạn *Đại Nam thực lục Đế thất kỷ* 11 quyển, hoàn thành năm 1939.

thích làm thú; thiết tưởng cụ Lê-nhữ-Lâm là một người lợi-lạc, vậy thời những lịch duyệt kiến văn cụ đã thâm thập gần 10 năm nay ở Pháp không phải là vô bổ ích cho vị vua nước nhà vậy.

Con đường Poissy là con đường tôi ở trong xóm Latin, vì thế nên tôi thường được tiếp xúc với mấy người thanh-niên nước nhà qua du học bên Pháp, như là ông Phạm-duy-Khiêm,⁽³²⁾ ông Hoàng-xuân-Hạng⁽³³⁾ [Hân] ở tại nhà Đông-dương học-xá. Hai ông này một người quê Bắc-kỳ, một người quê Trung-kỳ đã vào được đại-học-đường, học hành cần mẫn, tính nết tốt, ăn nói hòa nhã thông thạo, ấy những tay như thế là nhân vật của tiền-đồ Việt-Nam vậy. Tôi nói rõ hai ông này hơn là vì tôi có tiếp chuyện được lâu và có gặp được nhiều lần đàm luận hơn các ông kia. Phần nhiều các du học-sinh qua bên này là đã đến lứa tuổi trưởng thành mà học thức cũng đã có chút bả-ác [chắc chắn], có thể theo đòi các trường đại-học hoặc trung-học ở Pháp được. Một điều đáng mừng cho tiền-đồ nước nhà là các bạn thanh-niên ta ở bên ấy nhất là những người học ở Đại-học thời xem chừng học tập chăm chỉ lắm, có lẽ họ sẽ không phụ tấm lòng mong mỏi của quốc-dân.

⁽³²⁾ Phạm Duy Khiêm (1908-1974): Nhà giáo, nhà văn, cựu Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Pháp và UNESCO. Ông là con trai nhà văn Phạm Duy Tốn (1881-1924) và anh cả của nhạc sĩ Phạm Duy. Ông là một học sinh xuất sắc, giỏi nhất về cổ ngữ Latin, Hy Lạp, là người Việt Nam đầu tiên đỗ Tú tài văn chương Pháp (Bac classique). Sau đó ông được học bổng sang Pháp theo học lớp dự bị văn chương tại Trường Louis le Grande. Sau đó, Phạm Duy Khiêm đỗ vào Trường Cao đẳng Sư phạm của Pháp (École Normale Supérieure, rue d'Ulm), cùng khóa với Georges Pompidou (sau này là tổng thống Pháp), Léopold Senghor (sau này là Tổng thống Sénégal), rồi đậu Thạc sĩ Văn phạm Pháp (Agrégée de grammaire). Ông là người Việt Nam đầu tiên đậu văn bằng này.

Tác phẩm: *Việt Nam văn phạm* (soạn chung với Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, 1941), *De Hanoi à la Courtine* (1941), *De la Courtine à Vichy* (1942), *Mélanges* (1942), *Légendes des Terres Sereines* (1942 - Giải Văn chương Đông Dương), *La Jeune femme de Nam Xuong* (1944), *Nam et Sylvie* (1957 - Giải thưởng Louis Barthou của Viện Hàn Lâm Pháp), *La place d'un homme* (1958), *Ma mère*.

Cố Tổng thống Pháp Georges Pompidou viết về ông: *Chẳng phải vì tò mò chuộng lạ mà tôi đã hướng tới bạn L. S Senghor, cũng như hướng tới bạn chung của chúng tôi là Phạm Duy Khiêm... Dù sao, với thời gian ba chúng tôi càng trở nên thân thiết. Không một chút khó khăn, tôi nhận thấy ở các bạn tôi một thái độ kiêu hùng, hãnh diện vì dân tộc và tha thiết với đất nước (họ) mặc dầu rất thâm trầm văn hóa của Âu châu và nước Pháp.* (Theo: https://vi.wikipedia.org/wiki/Phạm_Duy_Khiêm).

⁽³³⁾ Hoàng Xuân Hân (1908-1996): Nhà văn hóa, sử học, ngôn ngữ học đồng thời là một kỹ sư, nhà toán học. Ông là người soạn thảo và ban hành Chương trình Trung học Việt Nam đầu tiên. Ông từng là Bộ trưởng Giáo dục - Mỹ thuật trong Nội các Trần Trọng Kim.

Năm 1928, Hoàng Xuân Hân đỗ thủ khoa kỳ thi Tú tài toàn phần và được nhận học bổng của Chính phủ Đông Dương sang Pháp. Năm 1930, ông đỗ vào Trường École Normale Supérieure và Trường Bách khoa Paris; ông chọn học Trường Bách Khoa. Năm 1932-1934, ông học Trường Cầu đường Paris. Ông đậu Cử nhân Toán 1935 và Thạc sĩ Toán 1936 tại Khoa Toán Trường Đại học Sorbonne.

Tác phẩm: *Éléments de trigonométrie*, *Hanoi: Les Éditions nouvelles*, *Danh từ khoa học*, *Lý Thường Kiệt*, *Một vài kỷ vãng về Hội nghị Đà Lạt*, *Thiên Tinh Sử Hồ Xuân Hương*, *Thi văn Việt Nam*, *La Sơn Phu Tử*, *Chính Phụ Ngâm Bị Khảo*... Cùng nhiều công trình nghiên cứu, biên tập, chú thích các tác phẩm văn cổ như: *Đại Nam Quốc sử Diễn Ca* (Lê Ngô Cát), *Mai Đình Mộng ký* (Nguyễn Huy Hổ), *Văn tế thập loại chúng sinh* (Nguyễn Du)... (Theo: https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoàng_Xuân_Hân).

Tuy vậy cũng còn chỗ đáng phàn nàn. Số là: phần nhiều người du học ở Pháp thời phải được lương [học bổng] chính-phủ hoặc có một cơ-quan khuyến học nào cấp cho mới có thể theo đòi được. Nếu không có lương thì ắt hẳn phải là con nhà phú-hữu [có của]. Tôi đã thấy mấy người Tàu, mấy người Nhật họ qua bên ấy, vừa đi làm thuê vừa đi học, những người Nam mình thì tuyên là vác tiền nhà qua mà thuê nhà ăn học. Cái đồng tiền lúc có nhiều trong tay cũng là một cái nguy vật [nguy hiểm tàng] cho mình nhất là ở chỗ phồn-hoa náo-nhiệt như thành phố Paris. Phần thì cái học ở các trường bên Pháp là tự do hết sức. Mình muốn đi thời đi, ở nhà thời ở, chứ không ai bắt buộc gì. Cái tự do ấy nếu vào tay những người không biết tự trị thì nhiều khi họ dùng lầm. Ấy, đáng phàn nàn là học-sinh mình ở bên ấy có một số chính còn đương lạm dụng cái tự-do ấy mà làm phí tiền tài của cha mẹ, và ngày giờ của lứa tuổi xanh họ bây giờ vậy.

Một hôm tình cờ tôi được người bạn giới thiệu và được tiếp chuyện với ông X... học trường Đại-học kia, năm thứ nhất, trong lúc nói chuyện tôi nghe người bạn tôi khen ông X. về cái tài khiêu-vũ của ông. Mình lấy làm lạ, là sao nói chuyện với một người học-sinh mà không hề hỏi gì đến chuyện học, chỉ nghe khen cái tài khiêu-vũ mà ông X. ngó bộ cũng lấy làm đắc ý. Tôi hỏi ông học-sinh rằng ông sang đây xem chừng học đã tiến lắm rồi thì phải, đã sắp vinh-quy bá-tử thì phải?

Ông se se [khe khẽ] nói với tôi rằng: “Thưa ông, hai cái nghề khiêu-vũ và sự học rất là tương phản, nghề này hay ắt nghề kia phải dở”.

Lời ông X. nói như thế tôi tưởng cũng bất tất bình phẩm, chẳng biết trong đám thanh-niên mình những người chuyên tâm về học khiêu-vũ với ông X. có nhiều không? Nói tóm lại thiên-kiến của tôi thì bao giờ học-sinh ta hề đứng tuổi là 18 tuổi trở lên, biết khôn, biết tự trị tính chất vững vàng, biết tiền-đồ Việt-Nam mong vào nơi ta, rồi sẽ cho qua Tây học rất là mau thành tài, lại ít tốn của cha mẹ, khi về nước tính-chất không thành “tính lai” vậy.

Ở Paris đã có mấy tuần lễ, ngày nay nhơn dịp có ông Tây bạn cũ khi trước làm quan ở phủ Toàn-quyền Đông-dương mời tôi về nhà quê chơi. Trước lúc về Đông-dương tiện dịp được đi quan sát cảnh sinh-hoạt dân quê nước Pháp, ấy cũng là một nhịp [dịp] may cho tôi vậy.

Nhà ông ấy ở hạt [commune] Montdidier, ông đưa tôi đến nhà ông lý ở làng kia, ông này làm lý-trưởng đã hai năm rồi. Ông làm việc không ăn lương nhà-nước, nhưng chính-phủ có cấp cho ông một người thư-ký. Tới nhà bà mẹ, bà vợ và hai con ra tiếp chuyện vui vẻ lắm. Bà cụ hỏi han con cả con kê cùng như các cụ già bên mình vậy. Bà cụ hỏi:

- Ông ở bên Đông-dương qua đi đường có được bình-an không?

Ông định ở bên này bao lâu mới về?

Ông đi xem đấu xảo thế nào ạ?

Tôi trả lời phân minh rồi vừa ông Lý đem ra một chai rượu vang trắng rót mời tôi uống: chén tạc chén thù làm cho tôi lại sức nhớ đến ông Lý làng tôi vậy.

- Cụ ông, bà và các cô đã ai đi Paris xem đấu-xảo chưa? Đẹp lắm mà.

- Chúng tôi rõ nhà quê quá đi mất: ở cách Paris 100 km mà cũng không đi xem đấu-xảo được, mà giấu gì ông, đã 10 năm nay chúng tôi chưa giờ lại Paris kia mà: Chúng tôi ở Paris cũng có người bà con và người quen, nhưng việc nhà bận bịu, thành thế chỉ viết thư thăm mà thôi, chứ không có rãnh chút thì giờ mà đi chơi được. Sáng hôm nay cháu cũng vừa đi gởi mận lên bán ở Paris đó.

Nhà ông này là một nhà đại địa-chủ, ông lại làm lý-trưởng nữa, vì thế nên ông bận-bịu lắm. Từ sáng đã ra ngoài ruộng, đến trưa làm việc công một vài giờ rồi lại phải ra đồng ngay. Cảnh sinh-hoạt ở đó có vẻ phong-lưu. Trong làng có trường học có nhà thương. Vì thấy những công cuộc kiến thiết ở làng chu-đáo đến thế nên tôi có hỏi ông ấy rằng:

- Thưa ông những phí tổn dùng để gây dựng những cơ-sở này là lấy ở ngân-sách nhà-nước hay là dân góp tay mà làm?

- Tiếng là lấy ở ngân-sách, nhưng cũng nhờ dân nộp cả.

- Ông nói thế thì tôi cũng hiểu được rằng, ở bên này cái tiền dân góp vào cho chính-phủ thì chính-phủ lại phải đem ra mà làm lợi cho dân. Việc ấy, kể cũng thường, nhưng thực hành được cũng là khó lắm đấy. Nhưng xin hỏi ông: Thế thì dân nộp thuế có nhiều không? thuế nặng thì dân có phàn nàn không?

- Thuế thì cũng nặng thiệt mà đã làm dân thì tưởng đối với cái thuế thế nào cũng có ác-cảm. Nói rằng có người vui lòng đem tiền nạp, tôi không dám chắc hạng ấy đã được đa số. Nhưng may cho chúng tôi, những người chức việc là được một điều: Dân nó vẫn “quạu” nhưng nó “quạu” mà nó vẫn nộp. Vả lại một người công dân nước tôi có quyền bảo cử [bầu cử] tức là có quyền tham dự chính-trị và cụ-sát [*củ sát*: coi xét] chính-sách một cách gián tiếp. Phần thời có tiền nộp vào rồi đem ra làm việc ích lợi cho dân, thế cũng là những dấu thành tích ra đấy. Cho nên dân nó cũng không có phàn nàn gì mấy. Còn một lẽ nữa, chính-phủ bắt nộp thuế cao thì lại biết thi hành những luật lệ có thể làm cho sản-vật nhà nông có chỗ tiêu-thụ và giảm bớt thuế xuất-cảng cho các nhà chế-tạo công nghệ và canh-nông, có thể tranh dành mỗi lợi với người ngoại-quốc ở các thị-trường.

Thường thường tôi thấy ở trong làng đến lúc làm việc thì người lớn ra ngoài đồng hết. Đến khoảng chín giờ có một cái xe ngựa của người thợ làm bánh chở

bánh đi đưa đến từng nhà, nhà nào có người ở nhà thì nhận lấy, còn có chỗ nhà đóng cửa thì thấy anh thợ bánh để ngay 2, 3 cái bánh to vào nơi bậc cửa sổ ngoài. Tôi nghiệm thế biết rằng: ở bên ấy không có cái thói ăn cắp vặt. Phần nhiều thì thành không có hạng ăn cắp vặt là bởi vì có lính canh-sát tuần phòng cẩn mật nên chúng sợ, còn ở thôn quê không có kẻ trộm, ấy là bởi bọn dân nghèo ở Pháp đã đến cái trình-độ cao hơn dân mình chẳng?

Nhà ông này là về hạng đại địa-chủ bên Pháp. Có dùng nhiều người làm việc. Quy-mô sắp đặt rất là to tát, có dùng nhiều máy cày, dùng bơm điện để lấy nước cho bò uống vân vân...

Nhưng ở trong làng phần nhiều là tiểu nông-gia hết cả. Cách sinh-hoạt đơn-giản hơn nhiều. Các kiểu nhà của nông-dân Pháp là một cái nhà nhỏ nhưng sạch-sẽ và ngăn-nắp, có bếp có buồng ngủ, có một mảnh vườn con con và một vài con bò sữa. Ở nhà trước là chỗ tiếp khách, ở giữa có một cái tủ để đồ ăn, trong nhà có mấy cái ghế, một cái bàn ăn trên trải một tấm khăn bàn bằng vải sơn.

Đàn ông thường ngày ra đồng, đàn bà ở nhà chăm nom con cái, nặn [vắt] sữa bò, lo cơm nước, có khách ai đến thì tiếp chuyện, cũng có nhà làm ăn xem chừng vất vả, tình cảnh ngặt nghèo mà người đàn bà vẫn tươi cười hơn hờ, tựa hồ như không để lộ cái khổ của mình cho ai hay. Người ta nói rằng dân tộc Pháp là một dân tộc không có vẻ lo-lắng, không buồn rầu, bao giờ cũng vui vẻ luôn, có thể thật.

Bên ấy trời tiết lạnh nên ở thôn quê người ít tiền hay để cái lò nấu bếp ở giữa gian nhà ăn và tiếp khách để dùng làm lò sưởi luôn, nhưng bếp họ chùi sạch sẽ hết sức không có một dấu gì ở lò gọi là dầu mỡ, dầu than. Ngoài đồng các kẻ đi cày ruộng có ngựa kéo cày, toàn đi giày cả, vì ruộng khô không có chỗ nào có nước mà cấy lúa mì được. Tôi chưa hề thấy người nào đi chân cả, bé lớn, giàu nghèo đều đi giày, đến kẻ hành-khất cũng đi giày.

Gần nhà ông Lý, tôi có quen một ông Đốc-tờ. Ông này thi tốt-nghiệp ở trường thuốc vừa xong, rồi về nhà đi cày, số là ông cha mất sớm, không ai chăm sóc việc nhà cho. Bà mẹ là một tay trọng-yếu của phái phụ-nữ giải-phóng hiện còn hoạt-động ở bên Pháp. Ông có vợ và một người con, có độ 500 mẫu ruộng. Gia tư ông là một nhà tiểu-nông, không có đủ vốn mà thuê người, vì thế nên sáng ngày ông đã phải đi với người làm công ra đồng cày cuốc hoặc trồng tria, hoặc gặt lúa xong rồi mới về. Trong lúc ấy thì bà mẹ dạy học cho con, còn rảnh thì giờ thì săn-sóc gà, vịt, bò. Bà vợ ông sáng dậy ra nặn sữa bò, vào làm kem, làm bánh sữa, làm bơ, rồi vào bếp lo cơm nước không có lúc nào nghỉ tay.

Tôi thấy tình mẹ con rất là chí thiết, cách điệu con đối với mẹ rất là dịu-dàng êm-ái khiêm nhường. Ông Đốc-tờ ấy đem một thứ rượu ra mời tôi uống, bà mẹ lại

muốn mời thứ khác để trong hầm rượu xa kia; bà truyền một tiếng thì ông ta thừa lại một cách vui vẻ chạy xuống hầm lấy lên ngay. Con hình cao vóc lớn râu-ria bồm-xồm mà mẹ tuổi độ năm mươi lại làm cho tôi thấy rõ rệt hơn cái chữ hiếu của con đối với cha mẹ nữa. Một tiếng thưa mẹ yêu dấu [của] tôi, hai tiếng thưa mẹ yêu dấu tôi, thấy thế tôi lại sức nhớ đến một đôi anh thiếu-niên bên xứ ta còn nhầm cho rằng ở các nước văn-minh hề con đến mười tám tuổi trở lên là tự-chủ tự-quyền, lời ngấm đe [của] cha mẹ đều không được xâm phạm đến cả.

Về luật-pháp thì con đã lên 21 tuổi là đã đủ trí khôn có phạm luật cha mẹ không phải trách-nhiệm. Chứ còn ở trong gia-đình, trừ ra hạng vô-giáo-dục, con đến mấy chục tuổi cũng vẫn ra sức ở cho bằng lòng cha mẹ mới gọi là hiếu thảo.

Mới! Lại! Thích! Vui! Ấy là cảnh-tượng một người du-khách đi tới đất Pháp. Quả có thế, có lúc ở trên những con đường đại-lộ, hoặc ở Paris hoặc ở Marseille mà phảng-phất nghe giờ chân giờ mộng [nửa thực nửa mộng], tựa hồ như đã thoát hẳn cái thân-thể củ của mình mà đi làm một cuộc du-lãm trong thủy-tinh-cung vậy. Bồng-lai phong-cảnh lạ, cây cỏ nước non ai, cái hạnh-phúc của nhân-loại quả là một cái ảo-tưởng chẳng? Thời sao trong nét mặt mấy bác lao-động, mấy chú nông-dân lại ngó ra bộ vui vẻ làm vậy? Thời sao tự thành-phố cho tới thôn-quê, đâu đâu cũng trông thấy một cái vẻ lạc-thú sinh-hoạt như kia. Nước Pháp là một vườn cực-lạc chẳng? Dân Pháp là một lũ con cưng của tạo-vật chẳng? Sao mà họ lại sung sướng làm vậy? Không, cái hạnh-phúc của dân Pháp chính là cái nghị-lực của dân Pháp tài bồi mấy ngàn năm nay mới thành. Cái văn-hóa của dân tộc Pháp, chính là do nơi cái óc, cái lòng, cái gan, cái lưỡi, cái bút, cái súng, cái gươm, cái tinh-thần tấn-thủ [tiến thủ] và hoạt-động của những nhà chân-chính ái-quốc, ái-quần xây nên vậy.

Có kẻ sẽ nói rằng: Ta không nên tán dương cái hạnh-phúc của dân Pháp quá làm vậy. Biết đâu bên trong coi vẻ hào-nháng xa-hoa mỹ-lệ đó không có những nỗi thống-khổ mà mình đi xa trông vào không có thể thấy được. Điều ấy là một điều chắc rồi, cái việc người không có gì là hoàn-thiện, mà cái hạnh-phúc tuyệt đối cũng không có thể thực hiện được, là một điều nhất định rồi, và lại nói cho đúng thì cái hạnh-phúc đã thực hiện được, thời mất ngay cái tính-cách của nó đi rồi. Xưa nay nhân loại vẫn nghi vơ nghi vẩn, để tìm lấy một con đường hạnh-phúc. Các nhà tư tưởng siêu việt, các ông triết-học, các bậc thánh hiền, các nhà tôn-giáo, vẫn người chỉ lối này, người bảo lối kia, mà cứu cánh chỉ là như lúc đêm con bướm-bướm thấy bóng đèn rồi bay xông vào và đập đầu vào cửa kính để đi tới cái chỗ sáng, nhưng nào có được. Thấy cái cách họ đi tìm hạnh-phúc thời lại nghĩ đến anh điên bơ-phờ mình lại đi bắt bóng mình.

Tuy vậy nhưng một điều hiển-hiện là, nếu đem dân-tộc Pháp sánh với dân-tộc mình, thời tự trí-thức, nghị-lực cho đến cách sinh-hoạt vẫn mình còn thua kém

người ta xa. Nếu như dân mình mà đi đến cái trình-độ cao như thế này thì hẳn cũng là một điều đáng mong lắm rồi. Cho nên tôi mừng cho dân Pháp bao nhiêu thời tôi lại trông mong ao ước ái ngại cho đồng-bào ta bấy nhiêu.

Thì: Lịch sử nhân-loại, nhiều câu chuyện ngẫu nhiên, nhưng trong câu chuyện ngẫu-nhiên, cũng có nhiều điều quan hệ, có khi làm nên nhiều việc giở mà cũng có khi làm thành những cái kết-quả hay. Có người bảo tôi rằng: sự tiếp xúc hai dân-tộc Pháp, Nam là một câu chuyện ngẫu-nhiên. Tôi cũng muốn tin như thế đi. Ừ, thì về chi trong hồi mặt diệp [cuối] thế-kỷ thứ 19 vừa qua đây, non nước ba kỳ, con cháu Hồng-Lạc lại không sa vào tay người Anh, người Nhật, người Mỹ, mà lại được làm dân thuộc-địa của một nước Cộng-hòa, một nước dân-chủ là nước Pháp-lan-tây.

Nghĩ như thế rồi tôi lại tự hỏi mình rằng: rồi đây cái tương-lai của nước Việt-Nam ra sao? rồi đây trên lịch-sử giao-biên [quan hệ] của hai dân tộc sẽ ra sao?

Vấn biết rằng: cái công cuộc nước Pháp sắp đặt ở bên này, cũng đã có thành-tích nhiều, đường hỏa-xa từ Nam ra Bắc, đường hàng không, đường hàng-hải từ Pháp sang Nam, các sở đồn-điền, các nhà máy, trường học, nhà thương, đều là những công việc kiến thiết có hiệu quả rõ rệt ai ai cũng thấy cả. Nhưng một điều đáng buồn là trình-độ dân mình còn ấu-trĩ hết sức. Tư-cách công-dân tuyệt nhiên chưa có. Cho nên những quan-niệm như là tự-do, bình-đẳng, bác-ái, đại-đồng, hình như khó có thể trở ngọn, đâm cành, khai hoa, kết quả ở xứ này lắm. Từ phương-diện kinh-tế cho đến y-chánh học-thức, và chính-trị, còn biết bao nhiêu chỗ khuyết điểm, cần phải sửa đổi mở mang. Mà khi nào mới sửa đổi, lúc nào được mở mang. Ta cũng có nghị-viện có dân biểu, nhưng cách-thức bầu cử của ta ra thế nào? Cái gây liên-lạc của dân với đại-biểu ra sao? Ra làm đại-biểu cho dân, quyền hạn được đến thế nào. Cái ấy còn do chính-phủ chuẩn định mà cũng bởi quốc-dân có biết trọng dân quyền, biết giữ tư-cách công-dân mới được.

Vậy muốn cho nhơn-dân ta bước tới cái địa-vị nhơn-dân Âu Mỹ, thời thế nào cũng phải có cơ-quan giáo-dục, hoặc do học-hiệu [trường học], hoặc dùng báo-chương [báo chí]? Nhưng báo-chương ta có thể viết những điều gì bổ ích cho dân? Viết ra trong dân ai là người biết đọc? Còn học-hiệu thì cách tổ-chức bên mình thế nào? Trong một trăm đứa bé, có mấy đứa có thể đi học được? Ấy thế mà mong tạo thành một lớp dân có đủ đức-tính tự-trị thời cũng chẳng là khó lắm ru.

Tương-lai của nước Nam sẽ ra sao? Nước Nam đối với nước Pháp sẽ có thể tin cậy thế nào. Điều này tôi xin đem chất vấn lại những người Pháp người Nam nhiệt tâm với cái thuyết: Pháp Việt đề huề.⁽³⁴⁾

⁽³⁴⁾ Pháp Việt đề huề (Collaboration Franco-Annamite): là một chính sách của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương bắt đầu vào thập niên 1910 – thay vì viễn cảnh thống trị vô hạn định – vẽ ra một tương lai

Nhân tiện tôi có sang thăm thành La-mã (Rome) kinh-đô nước Ý-đại-lợi có vào châu đức Giáo-hoàng ở Vatican, từ Paris sang đó đi theo đường hỏa-xa Marseille-Nice gần 1800 kilomètres và tôi có sang nước Belgique (Bỉ) phong-cảnh rất đẹp. Khi trở về tôi cũng có đến xem thành Nice, Monaco và thành Monte-Carlo. Các việc kiến-văn ở trong mấy nước ngoài, lần khác tôi sẽ xin thuật lại các ngài nghe.

Khi về đến nước Bỉ (Belgique) bỗng nhiên sinh buồn vô hạn, tôi cùng người bạn rủ nhau tìm một cảnh rất tịch mịch [tĩnh mịch] buồn teo mà đứng chụp một ảnh sau này. Cho hay cảnh-cật cũng chiều người: người buồn thì cảnh cũng buồn. Vừa chụp xong ảnh tự nhiên xuất khẩu ra một câu:

*Chạnh lòng nhớ nước nhớ nhà,
Trông người lại gẫm đến ta mà buồn.*

HẾT

**Nguồn: Thanh-Nghệ-Tĩnh Tân văn các số 121, 122, 124-130
các tháng 11 và 12-1932 và tháng 01-1933.**

mới với địa vị nước Pháp diu dặt và khai hóa dân tộc Việt. Cường Để lúc đầu cũng muốn tìm hiểu thêm về ý định của Pháp nhưng sau khước từ hợp tác. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều có những thâm định về chính sách *Pháp-Việt Đề huề* như trong cuốn *Pháp-Việt Đề huề luận* (1918) của Phan Bội Châu và *Pháp-Việt Liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* của Phan Châu Trinh trong đó có lời kêu gọi người Pháp và người Việt hãy hợp tác trên cơ sở bình đẳng. (Theo: https://vi.wikipedia.org/wiki/Pháp_Việt_đề_huề).

ĐÍNH CHÍNH

Trong quá trình tiếp tục khảo cứu, tác giả Nguyễn Bá Dũng xin được đính chính một số lỗi trong 2 bài viết được đăng trên Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển như sau:

(1) Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển. Số 1 (153) . 2019

* Bài viết: “Độc lại Báo cáo của Toàn quyền Đông Dương M. Merlin: “Vụ ám sát Cách mạng ngày 19 tháng 6 năm 1924 ở Quảng Châu””.

Trang 150, chú thích 2, dòng 3-4dl	
Đã in	Xin sửa lại
3/5 thuộc về Anh và 2/5 thuộc về Pháp	4/5 thuộc về Anh và 1/5 thuộc về Pháp

(2) Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển. Số 6 (160) . 2020

* Bài viết: “Một cái tên trên bia tường niệm Khởi nghĩa Yên Bái”.

Trang 92, dòng 15-16tx	
Đã in	Xin sửa lại
Ba mươi lăm chiến sĩ	Ba mươi tư chiến sĩ
Trang 107	
Đã in	Xin sửa lại
Cổ Am thuộc huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Kiến An	Cổ Am thuộc huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương .

Xin chân thành cáo lỗi với bạn đọc!

Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển